

Số: /BC-UBND

Hải Dương, ngày tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022
và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 tỉnh Hải Dương**
(Trình HĐND tỉnh khóa XVII, kỳ họp thứ 12)

PHẦN THỨ NHẤT

Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022

A. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT VÀ ƯỚC THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2022

A.1. Đánh giá tổng quát

Tỉnh Hải Dương thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 trong bối cảnh tình hình thế giới có nhiều diễn biến rất khác biệt so với thời điểm xây dựng kế hoạch năm 2022, như các diễn biến liên quan đến cuộc xung đột quân sự tại Nga - Ucraina; trong nước, dịch bệnh, thiên tai diễn biến phức tạp, đặc biệt là chịu áp lực rất lớn từ lạm phát, tăng giá cả hàng hóa, giá xăng dầu...

Mặc dù gặp nhiều khó khăn, thách thức khó lường, nhưng nhờ sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự nỗ lực của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh, tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 của tỉnh ta đạt được một số kết quả đáng ghi nhận; kinh tế có sự phục hồi khá, hầu hết các ngành sản xuất, kinh doanh trở lại hoạt động bình thường. Về cơ bản đã đạt được các mục tiêu tổng quát và dự kiến **đạt và vượt 09/16 chỉ tiêu chủ yếu** đã đề ra. Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) ước **tăng 9%**¹ (KH năm từ 10% trở lên); thu ngân sách nhà nước vượt 30% dự toán năm; thực hiện tốt các chính sách xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội, bảo đảm an sinh xã hội và ổn định

¹ - Theo văn bản số 1989/TCTK-TKQG ngày 30/11/2022 của Tổng cục Thống kê, năm 2022 Hải Dương xếp thứ 08/11 tỉnh, thành phố trong Vùng đồng bằng Sông Hồng (cao hơn Hà Nội 8,89%, Ninh Bình 8,62%, Bắc Ninh 7,39%; sau Hưng Yên 13,41%, Hải Phòng 12,32%, Hà Nam 10,82%, Quảng Ninh 10,28%, Vĩnh Phúc 9,54%, Thái Bình 9,52%, Nam Định 9,07%).

đời sống nhân dân; công tác quốc phòng, quân sự địa phương được tăng cường; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

A.2. Kết quả đạt được

I. Công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19

Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh đã sát sao chỉ đạo các ngành, địa phương hành động quyết liệt, tổ chức thực hiện linh hoạt, có hiệu quả mục tiêu vừa phòng, chống dịch Covid-19, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Triển khai nhất quán, nghiêm túc quy định về thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19; kiên định thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch phù hợp, bảo vệ tối đa sức khỏe, tính mạng của nhân dân, coi đây là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách, thường xuyên, liên tục của các cấp, các ngành ngay từ đầu năm 2022. Đến nay, tỉnh Hải Dương đã ngăn chặn và kiểm soát được dịch bệnh Covid-19, không để xảy ra “dịch chông dịch”. Qua đó, tạo điều kiện tốt cho học sinh được tới trường, hoạt động sản xuất, kinh doanh và nhịp sống xã hội trở lại trạng thái bình thường mới đã củng cố niềm tin, tạo sự an tâm, an toàn đối với người dân, doanh nghiệp, góp phần quan trọng thúc đẩy quá trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

Từ đầu năm đến nay, tỉnh Hải Dương đã ghi nhận 364.481 trường hợp mắc Covid-19, trong đó có 364.324 bệnh nhân đã được điều trị khỏi bệnh; từ đầu dịch đến nay, có 145 ca tử vong². Chương trình tiêm chủng Covid-19: (i) Tổng số người từ 18 tuổi trở lên là 1.344.063 người: số người tiêm mũi 3 là 1.083.040 người (đạt 80,58%), tiêm mũi 4 là 228.953 người (đạt 100,17% KH); (ii) Trẻ từ 12-17 tuổi là 157.641 người: tiêm mũi 3 là 116.454 người (đạt 73,87%); (iii) Trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi là 237.810 người (trong đó có 125.357 trẻ đủ điều kiện tiêm chủng): tiêm 1 mũi là 204.749 người (đạt 86,1%); tiêm mũi 2 là 133.956 người (đạt 56,33%).

II. Kết quả thực hiện của các ngành, lĩnh vực

1. Ngành kinh tế

Thực hiện thực chất, hiệu quả hơn cơ cấu lại các ngành kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch nhanh sang ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ (năm 2021: Nông, lâm nghiệp và thủy sản là 9,5% - Công nghiệp, xây dựng là 60,2% - Dịch vụ là 30,3%; năm 2022 tương ứng là 8,9% - 62,0% - 29,1%). Kết quả cụ thể của các ngành kinh tế như sau:

²- Các trường hợp tử vong đa số mắc bệnh nền và chưa tiêm chủng, hoặc tiêm chủng không đầy đủ vắc xin phòng Covid-19. Trong đó, từ đầu năm 2022 đến nay ghi nhận 144 trường hợp tử vong.

a) Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản được duy trì ổn định, năng suất cây trồng đạt khá. Tổng giá trị sản xuất (giá năm 2020) ước đạt 21,1 nghìn tỷ đồng (KH năm 21,3 tỷ đồng), tăng 3,4% so với năm 2021; giá trị sản phẩm thu hoạch trên 01 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đạt 186 triệu đồng/ha, vượt mục tiêu đề ra (KH năm 185 triệu đồng/ha).

(1) *Nông nghiệp*: Tập trung đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững³; nâng cao năng lực nghiên cứu, chọn tạo sản xuất giống cây trồng vật nuôi. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng chăn nuôi, thủy sản và giảm tỷ trọng trồng trọt, lâm nghiệp.

- Trong trồng trọt, tiếp tục giảm diện tích gieo cấy lúa hiệu quả thấp, tăng diện tích cây rau màu và cây ăn quả có giá trị kinh tế cao hơn.

Cây hàng năm: Tổng diện tích gieo trồng 151.937 ha (KH năm 150.000 ha), giảm 1.698 ha so với năm 2021. Trong đó, (i) Cây lúa diện tích cả năm 109.670 ha, giảm 1.301 ha so với năm 2021; năng suất bình quân khá cao, đạt 63,65 tạ/ha⁴, tăng 0,8 tạ/ha; (ii) Cây rau các loại diện tích 31.109 ha, tăng 567 ha

³ - Tập trung xây dựng vùng sản xuất chuyên canh, tập trung, có sự phân chia giữa các địa phương: (1) Cà rốt (Cẩm Giàng, Nam Sách, Chí Linh), diện tích 1.150 ha trên tổng số 1.362 ha; (2) Hành, tỏi (Kinh Môn, Nam Sách, TPHD), diện tích 5.620 ha/6.349 ha; (3) Bắp cải, su hào, súp lơ (Gia Lộc, Tứ Kỳ, Kim Thành, Thanh Miện), diện tích 3.720 ha/5.276 ha; (4) Dưa hấu (Gia Lộc, Tứ Kỳ, Kim Thành, Cẩm Giàng, Nam Sách), diện tích 1.820 ha/2.460 ha; (5) Củ đậu (Kim Thành), diện tích 417 ha/461 ha; (6) Vải chuyên canh (Thanh Hà, Chí Linh), diện tích 6.200 ha/8.932 ha; (7) Nhãn (Chí Linh), diện tích 550 ha/2.133 ha; (8) Ổi (Thanh Hà, Ninh Giang), diện tích 1.750 ha/2.450 ha; (9) Na (Chí Linh), diện tích 800 ha/1.063 ha; (10) Thanh Long (Kinh Môn), diện tích 150 ha/460 ha.

- Vùng sản xuất rau an toàn (VietGAP), diện tích 846,5 ha (trong đó, duy trì năm thứ 2 với 34 vùng, diện tích 568,5 ha; thực hiện mới 27 vùng, diện tích 278 ha). Vùng sản xuất trái cây an toàn (VietGAP, GlobalGAP), diện tích 715 ha, trong đó: sản xuất vải có 52 vùng, diện tích 610 ha (41 vùng, với 500 ha sản xuất đạt tiêu chuẩn VietGAP; 11 vùng, với 110 ha sản xuất đạt tiêu chuẩn GlobalGAP); sản xuất ổi theo tiêu chuẩn GAP có 7 vùng, diện tích 75 ha; sản xuất nhãn có 3 vùng, diện tích 30 ha (VietGAP là 20 ha, GlobalGAP 10 là ha).

- Năm 2022 triển khai được 13 vùng sản xuất (130 ha) theo tiêu chuẩn VietGAP, GloGAP. Xây dựng 49 vùng trồng (640,5 ha); cấp 116 mã số vùng trồng, 13 mã đang chờ phê duyệt; đề nghị cấp 12 mã số cho 05 cơ sở (đã cấp 01 mã số; 11 mã đang chờ các nước nhập khẩu phê duyệt).

⁴ - Lúa vụ chiêm xuân 55.018 ha (giảm 755 ha), năng suất đạt 67,07 tạ/ha, cao nhất trong 10 năm trở lại đây (tăng 1,44 tạ/ha); lúa vụ mùa 54.652 ha (giảm 546 ha), năng suất đạt khá cao khoảng 59,9 tạ/ha, tương đương vụ mùa năm trước.

so với năm 2021; năng suất bình quân đạt 262,4 tạ/ha, giảm 1,2 tạ/ha (trong đó, cây vụ đông tăng cả về diện tích, sản lượng và giá bán⁵).

Cây lâu năm: Tổng diện tích 21.682 ha (*KH năm 21.500 ha*), tăng 112 ha so với năm 2021. Trong đó, vải quả được mùa (*diện tích 8.932 ha*) và tiêu thụ khá thuận lợi, giá bán cao⁶; sản lượng ước đạt 61.500 tấn (*tăng 6.600 tấn so với năm 2021*) và cơ bản được sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn (VietGap, GolobalGap)⁷. Tổng diện tích cây nhãn 2.133 ha, sản lượng ước đạt 12.000 tấn⁸.

- Trong chăn nuôi, phát triển theo hướng công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Ước tổng đàn trâu 5.700 con, tăng 3,8% so với năm 2021; đàn bò 15.000 con, tăng 2,5%; đàn lợn 430.000 con, tăng 15,6%; đàn gia cầm 16,37 triệu con, tăng 5,8%. Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng 132,6 nghìn tấn, tăng 10,4% so với năm 2021.

(2) *Lâm nghiệp*: Thực hiện tốt công tác quản lý, chăm sóc bảo vệ và phát triển rừng. Đẩy mạnh hoạt động tuần tra bảo vệ rừng, kiểm tra và xử lý các hành vi về phá rừng, cháy rừng, xâm hại rừng, chuyển đổi, sử dụng đất lâm nghiệp sai mục đích; buôn bán, vận chuyển lâm sản trái phép⁹.

(3) *Thủy sản*: Phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn, tập trung nuôi thâm canh đối tượng thủy sản chủ lực là cá truyền thống (trắm, chép, rô phi). Tổng sản lượng thủy sản nuôi trồng và khai thác ước đạt 98 nghìn tấn, tăng 7% so với năm 2021.

⁵- Theo giá hiện hành ước đạt 4.690 tỷ đồng (tăng 156 tỷ đồng), bình quân 209,8 triệu đồng/ha (tăng 1,9 triệu đồng/ha).

⁶- Giá vải trung bình khoảng 28.500 đồng/kg, tăng 3.000 đồng/kg so với năm 2021. Trong đó, vải sớm từ 24.000-120.000 đồng/kg (trung bình 32.000 đồng/kg); vải thiều chính vụ từ 10.000-40.000 đồng/kg (trung bình 23.000 đồng/kg). Vải đạt tiêu chuẩn xuất khẩu thu mua cao hơn giá phổ thông từ 2.000-5.000 đồng/kg.

⁷- Sản lượng vải thiều sớm khoảng 36.000 tấn, vải thiều chính vụ khoảng 25.500 tấn. Năm 2022 có 610 ha vải thiều được chứng nhận tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP; 189 vùng (1.200 ha) được cấp mã số vùng trồng và 14 cơ sở được cấp mã số cơ sở đóng gói phục vụ xuất khẩu... Sản lượng vải đạt tiêu chuẩn xuất khẩu thị trường cao cấp (Nhật Bản, Úc, Mỹ...) trên 6.000 tấn.

⁸- Giá nhãn quả đầu vụ từ 30.000-35.000 đồng/kg; chính vụ 8.000-15.000 đồng/kg (giảm 2.000-5.000 đồng/kg so với CKNT).

⁹- 10 tháng đầu năm 2022 có 03 vụ cháy rừng, với tổng diện tích cháy rừng khoảng 1,48 ha, chủ yếu là cháy thảm thực vật bề mặt, xém góc, không ảnh hưởng đến cây rừng chính.

Xử lý 19 vụ vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp, tổng số tiền nộp ngân sách là 203.850.000 đồng. Tịch thu 01 cửa xăng, 2,658 m³ gỗ keo tròn và 2,719 m³ gỗ xẻ quý hiếm.

b) Sản xuất công nghiệp - xây dựng được phục hồi và hoạt động ổn định; trong đó, sản xuất công nghiệp khởi sắc ngay từ đầu năm và giữ đà tăng trưởng cao trong 6 tháng đầu năm (tăng 16,05% so với cùng kỳ năm trước).

Ước tổng giá trị sản xuất (*giá năm 2010*) đạt 330,1 nghìn tỷ đồng (*KH năm 328,1 nghìn tỷ đồng*), tăng 11,8% so với năm 2021; trong đó giá trị sản xuất công nghiệp 309,4 nghìn tỷ đồng (*KH năm 306,6 nghìn tỷ đồng*), tăng 11,9%¹⁰. Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP có sự chuyển dịch tích cực (*năm 2021 chiếm 41,3%, năm 2022 ước 41,4%*).

Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án công nghiệp, xây dựng quan trọng; hỗ trợ duy trì và khôi phục sản xuất để giữ đơn hàng, chuỗi cung ứng. Công tác quản lý nhà nước về khuyến công và tổ chức khuyến công đã được củng cố và hoạt động có hiệu quả¹¹; quy mô chất lượng các Đề án khuyến công ngày càng được nâng cao và có tác động tích cực, rõ rệt đến sự phát triển công nghiệp nông thôn, làng nghề.

c) Hoạt động dịch vụ phục hồi nhanh, nhiều ngành, lĩnh vực có mức tăng trưởng cao. Cơ cấu lại, phục hồi và phát triển một số ngành, lĩnh vực dịch vụ quan trọng đang bị tác động trực tiếp bởi dịch Covid-19. Tổng giá trị sản xuất các ngành dịch vụ (*giá năm 2010*) ước đạt 46,8 nghìn tỷ đồng (*KH năm 45,4 nghìn tỷ đồng*), tăng 8,4% so với năm 2021.

Kịp thời tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ thúc đẩy lưu thông, tiêu thụ sản phẩm hàng hóa. Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thương mại điện tử, phương thức thanh toán thông minh, tạo thuận lợi cho truy xuất nguồn gốc, bảo đảm hàng hóa chất lượng, giá cả cạnh tranh; trong đó tập trung xúc tiến thương mại, giới thiệu, quảng bá các sản phẩm công nghiệp nông thôn, làng nghề, các mặt hàng nông sản chủ lực có sản lượng lớn ở địa phương¹², sản phẩm đạt chứng nhận OCOP giới thiệu và tiêu thụ trên trang Phiên chợ khuyến nông

¹⁰- Các sản phẩm chủ yếu của tỉnh có mức tăng cao, như sản xuất xi măng tăng 6,5%, điện sản xuất tăng 6,7%, sản xuất thức ăn chăn nuôi tăng 11,5%, sản xuất và lắp ráp ô tô tăng 131,2%.

¹¹- Trực tiếp thực hiện 04 Đề án khuyến công quốc gia, hỗ trợ cho 12 cơ sở công nghiệp nông thôn bằng nguồn kinh phí trung ương; Hướng dẫn 14 cơ sở công nghiệp nông thôn hoàn thiện hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn cấp khu vực năm 2022, trong đó có 08 sản phẩm được công nhận là sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực.

- Rà soát, khảo sát hơn 50 cơ sở công nghiệp nông thôn, lựa chọn ra 17 cơ sở đủ điều kiện để hướng dẫn lập hồ sơ, đề án khuyến công, tổ chức thẩm định và phê duyệt.

¹²- Với hình thức trực tiếp kết hợp với kết nối trực tuyến, tổ chức thành công hội nghị xúc tiến tiêu thụ vải thiều Thanh Hà; cắt băng xuất khẩu cà rốt đi Hàn Quốc; Lễ Hội thu hoạch cà rốt năm 2022, Lễ hội lúa rươi hữu cơ Tứ Kỳ vụ xuân năm 2022 và nhiều chương trình, sự kiện khác.

Quốc gia¹³. Tích cực hưởng ứng thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh.

Công tác quản lý thị trường, quản lý giá cả được tăng cường, thực hiện tốt công tác bình ổn giá; tích cực kiểm tra, kiểm soát chống vận chuyển và kinh doanh hàng cấm, hàng nhập lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng. Hàng hóa phong phú, đa dạng, cân đối cung cầu các nhóm hàng thiết yếu được đảm bảo, cơ bản đáp ứng đầy đủ nhu cầu hàng hóa phục vụ nhân dân. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ đạt 87,2 nghìn tỷ đồng (*KH năm 77,2 nghìn tỷ đồng*), tăng 14,1%. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) ước tăng 3,3% so với tháng 12 năm trước và tăng 2,7% so với bình quân chung năm trước.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, giải quyết thủ tục hồ sơ cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) nhanh chóng¹⁴, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp xuất khẩu hàng hoá. Giá trị hàng hoá xuất khẩu 10.514 triệu USD (*KH năm 10.700 triệu USD*), tăng 6,6%; hàng hoá nhập khẩu 8.655 triệu USD (*KH năm 8.360 triệu USD*), tăng 13,8%.

Thúc đẩy du lịch nội địa gắn với an toàn dịch bệnh. Ước đón và phục vụ khoảng 1.231.000 lượt khách du lịch, tăng gần 90 lần so với năm 2021 (*trong đó có 50.600 lượt khách quốc tế, tăng 29,8 lần*). Doanh thu du lịch ước đạt 573,7 tỷ đồng, tăng 47,8 lần.

2. Tài chính, tín dụng ngân hàng

a) Thu, chi ngân sách nhà nước

Tăng cường các biện pháp quản lý thu ngân sách bảo đảm thu đúng, thu đủ; kịp thời hỗ trợ cho người nộp thuế gặp khó khăn theo quy định¹⁵. Quyết liệt thực hiện các giải pháp thu nợ theo quy trình quản lý thu nợ và quy trình cưỡng chế nợ thuế. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt khá, ước năm 2022 đạt 19,3 nghìn tỷ đồng, tăng 30,4% so với dự toán năm; trong đó, thu nội địa 16,4 nghìn tỷ đồng, tăng 33,4% so với dự toán năm, vượt mục tiêu đề ra (*KH năm tăng 10%*).

¹³- Tính đến nay, UBND tỉnh đã quyết định phê duyệt 128 sản phẩm OCOP (*năm 2022 dự kiến phê duyệt 50 sản phẩm OCOP; trong đó, 10 tháng đầu năm đã phê duyệt 09 sản phẩm 4 sao, 13 sản phẩm 3 sao*). Trong đó, có 02 sản phẩm tiềm năng đạt 5 sao OCOP (*Queen Thanh Ha lychee và Bánh đậu xanh Rồng vàng Hoàng Gia*) đang đề nghị Hội đồng đánh giá, phân hạng cấp Quốc gia đánh giá, phân hạng; 65 sản phẩm đạt 4 sao OCOP; 61 sản phẩm đạt 3 sao OCOP. Trên 20 sản phẩm OCOP, nông sản tiêu biểu đã giới thiệu và tiêu thụ trên trang Phiên chợ Khuyến nông, như: Gạo nếp cái hoa vàng, Bánh đa cá rô đồng, Khoai sọ, nấm, chim bồ câu Pháp, bột sắn dây...

¹⁴- Có 25-30 doanh nghiệp thường xuyên xin cấp C/O.

¹⁵- Trong đó, theo Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, đã gia hạn các loại thuế, tiền thuê đất theo Nghị định số 34/2022/NĐ-CP là 986 tỷ đồng; miễn, giảm thuế theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP là 2.249 tỷ đồng.

Quản lý chặt chẽ chi ngân sách tiết kiệm, hiệu quả, bảo đảm các khoản chi thiết yếu, chi đầu tư xây dựng cơ bản. Tổng chi ngân sách địa phương ước thực hiện 19,8 nghìn tỷ đồng, tăng 28% so với dự toán năm.

Tiếp tục chỉ đạo sắp xếp, xử lý tài sản công, điều chỉnh phương án sử dụng đất công phù hợp, hiệu quả.

b) Tín dụng ngân hàng

Tiếp tục đẩy mạnh chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp; áp dụng mức lãi suất cho vay linh hoạt, hợp lý nhằm chia sẻ khó khăn với doanh nghiệp; đáp ứng kịp thời, đầy đủ vốn cho nền kinh tế. Tập trung tín dụng cho các ngành, lĩnh vực ưu tiên, khu vực sản xuất, kinh doanh, dự án, phương án có khả năng phục hồi cao, tạo sự lan tỏa; mở rộng tín dụng đi đôi với nâng cao chất lượng tín dụng, kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro. Hoạt động ngân hàng ổn định, liên tục, không bị gián đoạn, đáp ứng đầy đủ nhu cầu dịch vụ ngân hàng. Ước tổng nguồn vốn huy động đạt 161,1 nghìn tỷ đồng, tăng 6% so với cuối năm 2021; dư nợ tín dụng 122,6 nghìn tỷ đồng, tăng 15%¹⁶.

Quyết liệt thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu, củng cố và phát triển hệ thống quỹ tín dụng nhân được thực hiện nghiêm túc. Tiếp tục đẩy mạnh công tác xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng theo Nghị quyết số 42/2017/QH14; ban hành kế hoạch hành động thực hiện Đề án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng giai đoạn 2021-2026. Hiện nay, về cơ bản các tổ chức tín dụng trên địa bàn hoạt động ổn định, an toàn; nợ xấu được kiểm soát dưới 2% tổng dư nợ (*chiếm 0,8%*).

Thực hiện hiệu quả các chính sách cho vay ưu đãi; các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho khách hàng tiếp tục được triển khai thực hiện nghiêm túc¹⁷.

¹⁶- Trong đó, lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn 50.300 tỷ đồng, tăng 10,8% so với cuối năm 2021; cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa 22.300 tỷ đồng, tăng 16,7%; cho vay xuất khẩu 3.820 tỷ đồng, tăng 8,5%; cho vay công nghiệp hỗ trợ 4.970 tỷ đồng, tăng 29,9%.

¹⁷- (1) Kết quả tháo gỡ khó khăn đối với khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, đến thời điểm kết thúc chương trình ngày 30/6/2022, đã thực hiện: (i) cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ với giá trị lũy kế 2.833 tỷ đồng cho 1.301 khách hàng (*dư nợ đến ngày 31/10/2022 còn 399 tỷ đồng với 565 khách hàng*); (ii) miễn, giảm, hạ lãi suất với giá trị nợ lũy kế 102.890 tỷ đồng cho 76.100 khách hàng, số tiền lãi đã miễn, giảm lũy kế từ ngày 13/3/2020 là 510,3 tỷ đồng (*dư nợ đến ngày 31/10/2022 còn 18.955 tỷ đồng với 16.695 khách hàng*); (iii) cho vay mới 20.962 khách hàng, với doanh số cho vay lũy kế từ ngày 23/01/2020 là 83.541 tỷ đồng (*dư nợ đến ngày 31/10/2022 còn 12.813 tỷ đồng với 10.795 khách hàng*).

Ngoài ra, Chi nhánh ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Hải Dương: (i) đã gia hạn nợ cho 1.885 khách hàng với giá trị nợ lũy kế 74 tỷ đồng, dư nợ 60 tỷ đồng với 1.634 khách hàng; cho vay để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết số 68/NQ-

3. Hoạt động đầu tư và phát triển doanh nghiệp

a) Đầu tư phát triển toàn xã hội

Tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả đầu tư, phát triển nhanh hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại. Hướng dẫn, đôn đốc các chủ đầu tư hoàn thiện các thủ tục đầu tư, lựa chọn nhà thầu và thực hiện đầu tư dự án, bảo đảm chất lượng công trình xây dựng.

Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách, giải pháp giúp doanh nghiệp, cá nhân đẩy nhanh tiến độ đầu tư, phục hồi và phát triển sản xuất kinh doanh, lưu thông hàng hóa, khơi thông các nguồn lực phát triển KTXH; không để doanh nghiệp phải dừng, giãn hoạt động sản xuất. Thường xuyên rà soát, nắm bắt chắc hoạt động sản xuất kinh doanh, vướng mắc của doanh nghiệp để chủ động, tập trung tháo gỡ kịp thời các khó khăn làm cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh; chỉ đạo quyết liệt đẩy nhanh tiến độ thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng, sớm đầu tư hoàn thành dự án đưa vào hoạt động, sử dụng, nhất là đối với các dự án trọng điểm, hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, các công trình kết cấu hạ tầng đô thị và dự án giao thông kết nối vùng, liên vùng có sức lan tỏa, tạo động lực thúc đẩy phát triển KTXH.

Tiếp tục quán triệt, tập trung huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Quyết liệt thực hiện đồng bộ các biện pháp cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh (*phần đầu PCI năm 2022 ở top 20 của cả nước*), chỉ số chuyên đổi số và dùng chuyên đổi số hóa làm nền tảng, đòn bẩy thúc đẩy phát triển trong các lĩnh vực KTXH. Đẩy mạnh đổi mới trong xúc tiến thương mại, tư vấn và xúc tiến đầu tư; chú trọng đổi tạo chính sách, xúc tiến đầu tư tại chỗ. Chủ động phương án tạo mặt bằng sạch, nguồn cung lao động và hạ tầng kết nối để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp đầu tư vào tỉnh, thu hút các dự án lớn, dự án có công nghệ cao, công nghệ mới, công nghệ sạch, công nghiệp hỗ trợ, tiết kiệm năng lượng, sản phẩm mới. Xây dựng và triển khai thực hiện các giải pháp đồng hành cùng doanh nghiệp.

CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg với tổng số tiền 08 tỷ đồng, thời hạn 11 tháng; (ii) Cho vay chương trình phục hồi và phát triển KINH TẾ - XÃ HỘI, đã thực hiện giải ngân 4 chương trình với tổng số tiền 192,7 tỷ đồng.

(2) Triển khai gói hỗ trợ lãi suất 2% đến ngày 31/10/2022: (i) theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP, đã hỗ trợ cho 32 khách hàng với doanh số cho vay 331,3 tỷ đồng, số dư nợ được hỗ trợ lãi suất là 275,5 tỷ đồng, số tiền lãi đã hỗ trợ là 809 triệu đồng; (ii) theo Nghị định số 36/2022/NĐ-CP, doanh số cho vay được hỗ trợ lãi suất là 828,8 tỷ đồng, số tiền lãi hỗ trợ là 6,45 tỷ đồng.

Thu hút đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh còn hạn chế và gặp nhiều khó khăn. Ước cả năm 2022, thu hút đầu tư nước ngoài đạt 345,5 triệu USD¹⁸, tăng 8,2% so với năm 2021, trong đó cấp mới 16 dự án với tổng vốn đăng ký 41,4 triệu USD¹⁹, điều chỉnh tăng vốn 31 lượt dự án với số vốn tăng thêm 299,5 triệu USD²⁰. Quyết định chủ trương đầu tư mới cho 15 dự án trong nước, với tổng vốn đăng ký 400 tỷ đồng (*bằng 8,8% so với năm 2021*); điều chỉnh 65 lượt dự án, tổng vốn tăng thêm 500 tỷ đồng; thông báo chấm dứt hoạt động 03 dự án.

Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội ước đạt 53,1 nghìn tỷ đồng, tăng 7,6% so với năm 2021 và bằng 31,4% so với GRDP, không đạt mục tiêu đề ra (*KH năm 35%*). Trong đó, vốn đầu tư của khu vực kinh tế trong nước khá cao, đạt 41,3 nghìn tỷ đồng, tăng 22,9% so với năm 2021²¹; khu vực đầu tư trực tiếp của nước ngoài chỉ đạt 11,8 nghìn tỷ đồng, giảm 25%.

b) Đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước

Đẩy mạnh cơ cấu lại và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công nguồn NSNN. Kế hoạch đầu tư công năm 2022, nhiều dự án đầu tư quan trọng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại kết nối vùng đã được triển khai quyết liệt²². Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai đầu tư các dự án giao thông trọng điểm giao cấp huyện thực hiện giai đoạn 2021-2025. Chỉ đạo quyết liệt đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công, xác định đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của các cấp, các ngành và chủ đầu tư trong việc nâng cao hiệu quả đầu tư²³.

¹⁸- Trên địa bàn tỉnh hiện có 496 dự án đầu tư nước ngoài, với tổng vốn 9.227 triệu USD đến từ 26 quốc gia và vùng lãnh thổ (*trong KCN 259 dự án, số vốn 5.041,7 triệu USD; ngoài KCN 237 dự án, số vốn 4.185,3 triệu USD*). Tổng lũy kế vốn đầu tư thực hiện của các doanh nghiệp FDI ước đạt 7.600 triệu USD.

¹⁹- 07 dự án ngoài KCN (vốn 13,7 triệu USD) và 09 dự án trong KCN (vốn 27,7 triệu USD).

²⁰- 07 lượt dự án ngoài KCN (vốn 23,4 triệu USD) và 24 lượt dự án trong KCN (vốn 276,1 triệu USD).

²¹- Trong đó, khu vực nhà nước 6,1 nghìn tỷ đồng, tăng 14,9%; khu vực ngoài nhà nước 35,2 nghìn tỷ đồng, tăng 24,4%.

²²- Như các dự án: đường trục Đông - Tây, tỉnh Hải Dương; đường trục Bắc - Nam, huyện Thanh Miện (*giai đoạn I*); đường dẫn cầu Đồng Việt kết nối với Quốc lộ 37, thành phố Chí Linh; Xây dựng cầu vượt tại nút giao giữa đường dẫn Cầu Hàn, đường Ngô Quyền và Quốc lộ 5, TPHD; Đường vào khu di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc, đoạn từ Quốc lộ 37 vào Đền Kiếp Bạc; Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - TPHD.v.v.

²³- Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã tổ chức họp và có nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các địa phương, ban quản lý dự án, chủ đầu tư khẩn trương hoàn thiện các thủ tục về đầu tư, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư; lập kế hoạch và cam kết giải ngân vốn đầu tư công năm 2022 theo kế hoạch đã lập.

Trong đó, về vốn NSTW giao thực hiện các chương trình:

(1) *Chương trình phục hồi và phát triển KTXH:* đã khẩn trương tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư 02 dự án²⁴; phân bổ chi tiết 531,483 tỷ đồng²⁵ cho các dự án trong kế hoạch vốn NSTW trung hạn giai đoạn 2021-2020 theo đúng quy định.

(2) *Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:* đã rà soát, phân bổ 108,89 tỷ đồng²⁶ hỗ trợ một số xã tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí nông thôn mới đã đạt chuẩn, nhưng mức đạt chuẩn của một số chỉ tiêu còn chưa cao để nâng cao chất lượng các tiêu chí và bảo đảm bền vững.

c) Phát triển doanh nghiệp và kinh tế tập thể

(1) Hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tập trung vào hỗ trợ đào tạo, tư vấn, thông tin, hỗ trợ chuyển đổi từ hộ kinh doanh, khởi nghiệp sáng tạo và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị, nhằm giúp các doanh nghiệp từng bước phục hồi và tạo đà phát triển; phát triển mạnh kinh tế tư nhân thực sự là một động lực, tăng cường kết nối khu vực FDI với khu vực kinh tế trong nước.

Ước cả năm 2022, thành lập mới 1.600 doanh nghiệp, tăng 11,4% so với năm 2021, không đạt mục tiêu đề ra (*KH năm tăng 15%*); tổng vốn đăng ký 17,5 nghìn tỷ đồng (*giảm 4%*). Có 335 doanh nghiệp giải thể (*tăng 16,3%*); 1.300 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động (*tăng 43,5%*) và 900 doanh nghiệp đăng ký quay trở lại hoạt động (*tăng 22%*).

(2) Khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã từng bước được củng cố về công tác tổ chức quản lý, điều hành dịch vụ, hiệu quả hoạt động được nâng lên, góp phần tạo việc làm, ổn định kinh tế xã hội khu vực đô thị và nông thôn. Tổ chức sản xuất của Tổ hợp tác, Hợp tác xã hướng đến mục tiêu đạt chuẩn OCOP, góp phần

UBND tỉnh thành lập Tổ công tác kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công nguồn NSNN năm 2022 (Quyết định số 2636/QĐ-UBND ngày 30/9/2022). Định kỳ ngày thứ 5 hằng tuần đã họp với các địa phương, ban quản lý dự án, chủ đầu tư để đánh giá kết quả đã thực hiện; xem xét trách nhiệm trong chỉ đạo, xử lý các khó khăn, vướng mắc về đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công.

²⁴- (i) Dự án “Đầu tư, phát triển Trường cao đẳng nghề Hải Dương”, kế hoạch vốn NSTW là 70 tỷ đồng (*Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 24/6/2022 của HĐND tỉnh - thực hiện theo văn bản số 450/TTg-KTTH ngày 20/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ*); (ii) dự án “Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị 12 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Hải Dương”, kế hoạch vốn NSTW là 235 tỷ đồng (*Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 29/9/2022 của HĐND tỉnh - thực hiện theo văn bản số 681/TTg-KHTH ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ*).

²⁵- Kế hoạch vốn giao tại Quyết định số 1198/QĐ-TTg ngày 12/10/2022 của Thủ tướng Chính phủ (*phân bổ chi tiết tại Quyết định số 3080/QĐ-UBND ngày 11/11/2022*).

²⁶- Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 (*thực hiện theo kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022*).

hoàn thiện các chuỗi giá trị sản phẩm địa phương; phát triển và tham gia liên kết với các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác. Đến cuối năm 2022, toàn tỉnh có 530 hợp tác xã, 01 liên hiệp hợp tác xã và 820 tổ hợp tác xã.

(3) Thực hiện kiện toàn Ban Đổi mới và phát triển doanh nghiệp tỉnh; Tổ Giúp việc Ban Đổi mới và phát triển doanh nghiệp tỉnh. Xây dựng kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập do tỉnh quản lý giai đoạn 2021-2025. Tiếp tục tháo gỡ, xử lý vướng mắc trong quá trình cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hải Dương và vướng mắc trong thực hiện thoái vốn nhà nước tại Công ty Giống cây trồng Hải Dương.

4. Lĩnh vực khoa học và công nghệ; tài nguyên và môi trường

a) Các hoạt động ứng dụng KHCN, đổi mới sáng tạo được thúc đẩy mạnh mẽ. Từng bước xây dựng, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo quốc gia; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số, công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo. Khuyến khích doanh nghiệp sử dụng quỹ phát triển khoa học - công nghệ cho đổi mới, hấp thụ và làm chủ công nghệ. Nhiều thành tựu KHCN hiện đại được ứng dụng nhanh chóng và rộng rãi trong các lĩnh vực y tế, nông nghiệp, công nghiệp, thông tin...; hoạt động xúc tiến hỗ trợ tìm kiếm, trao đổi, chuyển giao công nghệ được đẩy mạnh.

Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước công nghệ, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ hạt nhân và tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trên địa bàn tỉnh²⁷. Xây dựng và thực hiện kế hoạch khoa học và công nghệ năm 2022 (tổng số 20 đề tài và 01 dự án). Tổ chức đánh giá, nghiệm thu đối với 19 nhiệm vụ kết thúc năm 2021 và tổng kết đánh giá kết quả thực hiện đối với các nhiệm vụ thực hiện chuyển tiếp từ năm 2021 sang năm 2022. Tập trung xây dựng và triển khai thực hiện chiến lược, lộ trình chuyển đổi số, xây dựng Trung tâm đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh²⁸; giao chỉ tiêu hồ sơ tiếp nhận, giải quyết trực tuyến mức độ 3, 4 cho các sở, ban, ngành, địa phương năm 2022.

²⁷ - Đã thẩm định công nghệ 39 dự án đầu tư, thẩm định 01 hồ sơ bổ sung thay đổi Giấy chứng nhận Doanh nghiệp khoa học và công nghệ; cấp 58 giấy phép tiến hành công việc bức xạ, 27 chứng chỉ nhân viên bức xạ.

Tiếp nhận và thẩm định 350 hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước hàng nhập khẩu; 25 hồ sơ công bố hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn; kiểm định 17.700 phương tiện đo các loại, thử nghiệm 350 mẫu vật liệu xây dựng...

²⁸ - Thành lập Tổ chỉ đạo triển khai công nghệ số cộng đồng tỉnh Hải Dương (Quyết định số 689/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 của UBND tỉnh); 12/12 huyện, thành phố, thị xã đã ban hành Quyết định thành lập Tổ chỉ đạo triển khai công nghệ số cộng đồng cấp huyện; 235/235 xã, phường, thị trấn đã ban hành Quyết định thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng cấp thôn/khu dân cư với 1.340 tổ và 6.891 thành viên.

Tổng hợp báo cáo kết quả 10 năm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

b) Tăng cường quản lý nhà nước về tài nguyên và bảo vệ môi trường

(1) Tổ chức tốt việc giao đất, cho thuê đất²⁹; kiểm tra, giám sát việc triển khai, thực hiện các dự án và khắc phục, xử lý nghiêm tình trạng sử dụng đất sai phép, sai mục đích, chặm đưa đất vào sử dụng gây lãng phí đất đai. Chủ động hướng dẫn, đôn đốc thực hiện và giải quyết kịp thời các vướng mắc trong lĩnh vực đất đai theo quy định của pháp luật. Quyết liệt thực hiện trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư.

Tăng cường hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về khoáng sản và ngăn chặn, xử lý kịp thời hoạt động khai thác khoáng sản trái phép. Hoàn thành nhiệm vụ “Lập danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ tỉnh Hải Dương”.

Tập trung giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội bức xúc như: ô nhiễm môi trường, xử lý rác thải sinh hoạt, vi phạm xây dựng công trình trên đất chuyển đổi... Tích cực tuyên truyền, vận động, tạo chuyển biến mạnh mẽ từ nhận thức, đến hành động của toàn xã hội về công tác bảo vệ môi trường, phục hồi các hệ sinh thái; nâng cao ý thức của người dân trong phân loại và xử lý rác thải. Khuyến khích phát triển dự án xanh, công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất theo mô hình tuần hoàn, ít phát thải. Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút đầu tư phát triển cơ sở xử lý, tái chế chất thải, rác thải với mô hình công nghệ phù hợp.

Ước cả năm 2022, tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị đạt khoảng 90%; tỷ lệ các CCN (có chủ đầu tư hạ tầng) có hệ thống xử lý nước thải

²⁹ - Cho 08 tổ chức thuê đất (diện tích 142,02 ha); giao đất không thu tiền sử dụng đất 08 dự án (diện tích 5,19 ha), giao đất có thu tiền sử dụng đất cho 05 tổ chức (diện tích 67,04 ha); 30 hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng các điểm dân cư (diện tích 63,41 ha); gia hạn sử dụng đất 03 tổ chức (diện tích 1,11 ha); chuyển hình thức thuê đất từ thu tiền thuê đất hàng năm sang thu tiền thuê đất một lần cho 03 tổ chức; 01 dự án chuyển hình thức từ giao đất không thu tiền sang thuê đất trả tiền hàng năm; ký hợp đồng thuê đất và ký lại hợp đồng thuê đất cho 38 tổ chức (diện tích 82,19 ha); bàn giao đất cho 26 tổ chức (diện tích 80,12 ha).

- Xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất 16 dự án. Trình phê duyệt phương án giá đất để tính tiền thuê đất hàng năm 05 dự án và phương án giá thu tiền sử dụng đất để thực hiện 02 dự án khu dân cư, khu đô thị.

- Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất 5.557 hồ sơ, bao gồm: 55 hồ sơ của tổ chức và 5.502 hồ sơ của hộ gia đình, cá nhân.

tập trung đạt 100% (*KH năm 100%*) và tỷ lệ các doanh nghiệp được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đạt 100% (*KH năm 90%*), đạt và vượt mục tiêu đề ra.

(2) Xây dựng Kế hoạch thực hiện thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu của tỉnh Hải Dương. Chủ động kêu gọi hỗ trợ về tài chính, công nghệ, thu hút các dòng vốn đầu tư vào phát triển hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu; triển khai các mô hình thích ứng, tăng cường sức chống chịu, giảm thiểu tổn thất do thiên tai, biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính.

(3) Xây dựng nhiệm vụ thực hiện Quyết định số 40/QĐ-TTg ngày 09/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia” trên địa bàn tỉnh.

5. Công tác quy hoạch, triển khai thực hiện các Chương trình, Đề án và hợp tác, liên kết phát triển vùng

a) Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ lập, phê duyệt quy hoạch tỉnh và các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành

Tập trung hoàn thành, tổ chức lấy ý kiến và trình thẩm định, phê duyệt quy hoạch tỉnh³⁰ và các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành đảm bảo tiến độ, chất lượng theo quy định của pháp luật về quy hoạch. Hoàn thành phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh 5 năm 2021-2025; tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030 và phân kỳ thực hiện giai đoạn 2021-2025, phù hợp với Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Tăng cường công tác quản lý, giám sát thực hiện và nâng cao chất lượng các quy hoạch, dự án đầu tư; thực hiện công bố công khai đầy đủ, kịp thời thông tin các quy hoạch được phê duyệt và lộ trình xây dựng phần mềm quản lý quy hoạch, công khai các quy hoạch trên trang thông tin điện tử tỉnh Hải Dương, trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý chuyên ngành và trang thông tin điện tử của các địa phương theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm thông tin đầy đủ để các tổ chức, cá nhân dễ dàng tra cứu, khai thác, sử dụng. Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành dự án “Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính” và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính theo Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Rà soát, phân bổ, tổ chức lại không gian phát triển các ngành, lĩnh vực hài hòa, hợp lý giữa đô thị và nông thôn tại từng vùng, địa phương; thúc đẩy

³⁰- Hiện nay đang tiếp thu hoàn thiện theo ý kiến tham gia của các Bộ, cơ quan trung ương; các địa phương trong Vùng và địa phương liên kề; các Sở, ban, ngành, địa phương và tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh (dự kiến tháng 12/2022 trình Hội đồng thẩm định).

chuyển dịch cơ cấu kinh tế đô thị theo hướng tăng trưởng xanh, bền vững, phát triển nhanh kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, các ngành công nghiệp động lực và dịch vụ có sức cạnh tranh.

b) Các Chương trình, Đề án thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp được chỉ đạo đẩy mạnh triển khai thực hiện. Trong đó, tập trung xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Chương trình phát triển nhà ở phục vụ nhu cầu thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, lao động có tay nghề cao, công nhân lao động..., đảm bảo phát huy vai trò của các đô thị, gắn kết với phát triển khu vực nông thôn, phù hợp với tiềm năng, lợi thế của từng địa phương.

Phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững. Đến hết năm 2020, đã có 100% số xã (178/178 xã) đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới và ngày 16/3/2022, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 358/QĐ-TTg công nhận tỉnh Hải Dương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (*là 1 trong 5/63 tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới*). Tập trung hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc các xã đăng ký xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu năm 2022 đảm bảo tiến độ và đạt chất lượng.

Đến hết năm 2022, dự kiến có 59 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt tỷ lệ 33,1%; 14 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, đạt tỷ lệ 7,9%, vượt mục tiêu đề ra (*KH năm 6,2%*). Phát triển đô thị còn chậm, tỷ lệ đô thị hóa ước đạt 33,0%, không đạt mục tiêu đề ra (*KH năm 35%*).

c) Tăng cường hợp tác, thúc đẩy phát triển liên kết vùng ngày càng đi vào thực chất, đi vào chiều sâu theo nguyên tắc “Chia sẻ - Đồng thuận - Cùng phát triển” nhằm phát triển KTXH nhanh, bền vững, gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh, nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân. Trong đó, kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 đã tập trung triển khai 03 dự án giao thông kết nối liên tỉnh (*cầu Đồng Việt và đường dẫn 02 đầu cầu, kết nối với tỉnh Bắc Giang; cầu Kênh Vàng và đường dẫn 02 đầu cầu, kết nối với tỉnh Bắc Ninh*).

Tổ chức đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết 54-NQ/TW ngày 14/9/2005 của Bộ Chính trị khóa IX về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 và Kết luận số 13-KL/TW ngày 28/10/2011 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 54-NQ/TW. Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hải Dương, Quảng Ninh, Bắc Giang và Thành ủy Hải Phòng về các biện pháp thúc đẩy liên kết vùng giai đoạn 2022-2025, nhằm phát triển hệ thống giao thông kết nối liên vùng để tạo mạng lưới

đồng bộ, liên kết phát triển du lịch, sản xuất nông nghiệp... để tận dụng tối đa hiệu quả nguồn tài nguyên, tiềm năng lợi thế của các địa phương trong vùng.

6. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội tiếp tục được quan tâm, tăng cường

a) Ngành giáo dục và đào tạo tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kép, vừa chỉ đạo thực hiện các chương trình giáo dục đồng thời làm tốt công tác phòng chống dịch Covid-9; các hoạt động giáo dục đã diễn ra bình thường. Hệ thống cơ sở vật chất trang thiết bị trường học, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia tiếp tục được quan tâm đầu tư; hạ tầng công nghệ thông tin được nâng cấp, cải thiện. Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT công lập năm học 2022-2023, thi tốt nghiệp THPT năm 2022 được tổ chức thành công. Công tác triển khai chương trình GDPT 2018 được tích cực triển khai thực hiện.

Tăng cường chuyển đổi số, đẩy mạnh cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục và đào tạo. Tiếp tục triển khai có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Quan tâm giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa, khát vọng công hiến, kỹ năng sống, kiến thức pháp luật, ý thức công dân trong hệ thống giáo dục quốc dân; xây dựng xã hội học tập.

Chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ tiếp tục được duy trì, nâng cao³¹; chất lượng giáo dục toàn diện và giáo dục mũi nhọn tiếp tục khẳng định được vị trí; học sinh giỏi quốc gia có tiến bộ vượt bậc, với 82/101 học sinh dự thi đạt giải³², duy trì ở vị trí top 5 trên bảng xếp hạng học sinh giỏi toàn quốc. Tiếp tục xây dựng và nâng cao chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia; tuy nhiên, số trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia còn thấp (đến nay mới có 661 trường), đến cuối năm 2022 ước đạt tỷ lệ 78,5%, không đạt mục tiêu đề ra (*KH năm 82,8%*).

b) Thực hiện tốt công tác dân số, y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh, sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế tiếp tục được cải thiện. Tỷ lệ tham gia BHYT ước đạt 91,75% dân số, đạt chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao (Quyết định số 564/QĐ-TTg ngày 29/4/2022), nhưng không đạt mục tiêu đề ra (*KH năm 92%*).

Xây dựng và thực hiện kế hoạch tiêm vắc xin phòng Covid-19, kế hoạch đảm bảo công tác y tế; triển khai sử dụng phần mềm quản lý, chăm sóc F0 tại nhà. Tiếp tục chủ động bám sát diễn biến tình hình dịch Covid-19; thực hiện

³¹- Năm 2021, 12/12 huyện, thị xã, thành phố được công nhận đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ em 05 tuổi; đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3; đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 3 và xóa mù chữ mức độ 2.

³²- 02 giải Nhất, 27 giải Nhì, 20 giải Ba và 33 giải Khuyến khích. Cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp quốc gia, Hải Dương có 02 dự án tham gia đạt giải Nhì và giải Tư quốc gia.

quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch và kịp thời chuyển trạng thái trong phòng chống dịch, đạt được những kết quả tích cực, đến nay được kiểm soát tốt.

Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, phổ biến kiến thức về chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh, an toàn thực phẩm, quy trình quản lý chất lượng tiên tiến, an toàn. Triển khai các bước đầu thầu thuê hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân. Chỉ đạo thực hiện công tác tiêm chủng mở rộng theo kế hoạch và triển khai quyết liệt các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, đặc biệt là tay chân miệng, sốt xuất huyết, sởi³³.

Quản lý chặt chẽ thuốc chữa bệnh, vật tư, thiết bị y tế. Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị tăng cường năng lực, hiệu quả công tác mua sắm, đầu thầu mua thuốc, hóa chất, vật tư y tế phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh.

c) Thông tin truyền thông; văn hoá, thể thao

(1) Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật. Chủ động cung cấp thông tin về tình hình kinh tế - xã hội, các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế; tham gia hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước; các giải pháp thực hiện của tỉnh, địa phương và đơn vị trong tỉnh để tạo đồng thuận xã hội, phân đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 đã đề ra.

(2) Nhận thức về vị trí, vai trò của văn hóa đối với sự phát triển bền vững đã được nâng lên và lan tỏa trong xã hội; quan tâm chăm lo cho văn hóa, đầu tư cho văn hóa là đầu tư cho sự phát triển bền vững, có tính chất lâu dài. Tổ chức triển khai thực hiện nội dung Chương trình số 22-CTr/TU ngày 19/8/2021 của Tỉnh ủy về “Phát huy giá trị văn hóa Xứ Đông và xây dựng con người Hải Dương đáp ứng yêu cầu phát triển giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030”; xây dựng Bộ quy tắc ứng xử văn minh nơi công cộng trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao chất lượng toàn diện phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá*”, nhiều tấm gương sáng trong phong trào được biểu dương, lan tỏa vào đời sống xã hội. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động của các mô hình về Phòng chống bạo lực gia đình, tuyên truyền giáo dục đạo đức lối sống trong gia đình.

³³ - (1) Bệnh Thủy đậu ghi nhận 61 trường hợp mắc, tăng 29 trường hợp so với cùng kỳ năm 2021 (32 trường hợp); (2) Bệnh Tay chân miệng 250 trường hợp mắc, tăng 202 trường hợp so với cùng kỳ năm 2021 (48 trường hợp); (3) Bệnh Sốt xuất huyết Dengue 461 trường hợp mắc, trong đó có 126 trường hợp ngoại lai và 335 trường hợp nội địa, tăng 376 trường hợp so với cùng kỳ năm 2021 (85 trường hợp). Không ghi nhận trường hợp tử vong.

Đến cuối năm 2022, tỷ lệ làng, khu dân cư văn hóa ước đạt 92% (*KH năm 92%*), tỷ lệ cơ quan văn hóa đạt 86% (*KH năm 86%*), đạt mục tiêu đề ra.

Đẩy mạnh triển khai thực hiện các chương trình văn hóa, nghệ thuật phục vụ các sự kiện chính trị, nhu cầu hưởng thụ của nhân dân, bảo đảm tiết kiệm, an toàn dịch bệnh. Chuẩn bị chu đáo các điều kiện để tổ chức thành công nhiều sự kiện, kỷ niệm những ngày lễ lớn³⁴. Tổ chức tốt các nghi lễ truyền thống mùa Xuân tại khu di tích quốc gia đặc biệt Côn Sơn - Kiếp Bạc năm 2022; giới thiệu và phát hành Bộ Lịch sử tỉnh Hải Dương (*từ khởi thủy đến năm 2015*); tổ chức các hoạt động trải nghiệm, trò chơi dân gian, truyền thống và các giải thể thao trong Tuần lễ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chào mừng SEA Games 31...

Triển khai thực hiện tốt công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa³⁵, đẩy mạnh thực hiện số hóa di sản văn hóa; thực hiện tốt công tác tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp đối với các di tích trên địa bàn tỉnh³⁶.

Đăng cai tổ chức thành công môn Bóng bàn SEA Games 31 tại Hải Dương; tổ chức 17 giải thể thao trong chương trình Đại hội TDTT tỉnh lần thứ IX năm 2022. Các vận động viên của tỉnh tích cực tham gia thi đấu các giải trẻ, giải vô địch toàn quốc, giải các đội mạnh quốc gia, đã hoàn thành vượt chỉ tiêu thành tích theo kế hoạch giao (*đạt 71 HCV, 80 HCB, 88 HCD*). Đặc biệt, tại SEA Games 31, đã đạt 11 HCV, 7 HCB, 5 HCD ở 7 môn thi đấu³⁷, phá 2 kỷ lục SEA Games 31 môn Lặn và thành tích của Hải Dương đứng thứ 5 toàn quốc.

³⁴- 92 năm thành lập Đảng, 77 năm ngày Quốc khánh, 132 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, 92 năm ngày truyền thống Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, 75 năm ngày Thương binh-Liệt sĩ...

³⁵- Xây dựng hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể quốc gia: Lễ hội chùa Nhãm Dương (*Duy Tân, Kinh Môn*), Lễ hội Văn miếu Mao Điền (*Cẩm Điền, Cẩm Giàng*) và Nghệ thuật Chèo tỉnh Hải Dương.

- Phối hợp với tỉnh Quảng Ninh, Bắc Giang trong việc xây dựng Hồ sơ khoa học Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử - Vĩnh Nghiêm - Côn Sơn, Kiếp Bạc.

³⁶- Nghiên cứu xây dựng Hồ sơ hiện vật đề nghị Thủ tướng Chính phủ công nhận Bảo vật quốc gia đối với các hiện vật: bộ Tượng Tam Thế chùa Côn Sơn (*Cộng Hòa, Chí Linh*) và hệ thống Mộc bản chùa Trăm Gian (*An Bình, Nam Sách*).

- *Khảo sát, lập hồ sơ khoa học xếp hạng 10 di tích cấp tỉnh, gồm: (1) Đình - chùa Chi Đoan (Cộng Hòa, Nam Sách); (2) Đình Tổng Xá (Thanh Quang, Nam Sách); (3) Đình Đích Sơn (Hiệp Hòa, Kinh Môn); (4) Đình Hàn Bơi (Cẩm Thượng, TPHD); (5) Chùa Hưng Khánh (Đồng Tâm, Ninh Giang); (6) Đình Hào Khê (Hưng Long, Ninh Giang); (7) Đình - chùa Tri Lễ (Hà Thanh, Tứ Kỳ); (8) Đình - chùa Lôi Trì (Hồng Khê, Bình Giang); (9) Đình Bình Phiên (Ngọc Liên, Cẩm Giàng); (10) Đình - chùa Đông Xá (Văn Đức, Chí Linh).*

- *Lập hồ sơ tu sửa cấp thiết 13 di tích, gồm: 05 di tích cấp quốc gia và 08 di tích cấp tỉnh.*

³⁷- (1) Đua thuyền Rowing; (2) đua thuyền Canoeing; (3) Bóng bàn; (4) Bắn súng; (5) Bắn cung; (6) Pencak silat; (7) Lặn.

Tiếp tục hoàn thiện, khai thác và phát huy hiệu quả hệ thống thiết chế văn hoá, thể thao cơ sở. Xây dựng khung chương trình tổ chức các hoạt động văn hoá, thể thao đối với các thiết chế văn hoá cơ sở giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Nhiều thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở được các địa phương tập trung đầu tư cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới đưa vào hoạt động có hiệu quả, phát huy tốt công năng sử dụng, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ của nhân dân.

(3) Lao động, việc làm và đảm bảo an sinh xã hội:

- Tập trung thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện khâu đột phá về phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao. Chú trọng bồi dưỡng nhân tài, thu hút nguồn nhân lực khoa học - công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực có kỹ năng, trình độ chuyên môn kỹ thuật cao. Tăng cường phối hợp giữa nhà trường, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp, gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp; khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động sau đào tạo. Hỗ trợ đào tạo cho người lao động để chuyển đổi nghề và lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp bị mất việc được hỗ trợ đào tạo.

Chất lượng và hiệu quả giáo dục nghề nghiệp từng bước được nâng lên, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp và thị trường lao động. Đến cuối năm 2022, tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp chứng chỉ đạt 31,5%, vượt mục tiêu đề ra (*KH năm 28,3%*).

- Chú trọng dự báo, cung cấp thông tin, kết nối cung - cầu nhân lực trong và ngoài tỉnh. Thực hiện các chính sách, giải pháp giải quyết việc làm cho người lao động gắn với nâng cao chất lượng việc làm; đẩy mạnh các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm; tăng tần suất và nâng cao hiệu quả tổ chức sàn giao dịch việc làm.

Theo dõi chặt chẽ, nắm chắc tình hình lao động, nhất là trong các khu công nghiệp, kịp thời có phương án hỗ trợ doanh nghiệp khắc phục tình trạng thiếu hụt lao động. Giữ ổn định và phát triển, mở rộng thị trường lao động ngoài nước, đặc biệt là các thị trường có mức thu nhập và điều kiện lao động tốt; tăng cường công tác đào tạo nghề, giáo dục định hướng, nâng cao chất lượng lao động đi làm việc ở nước ngoài.

Ước thực hiện cả năm, giải quyết việc làm mới cho 41.166 lao động (*KH năm 36.000 lao động*), tăng 14,4% so với năm 2021; trong đó, đưa 10.013 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (*KH năm 4.500 lao động*). Tổ

chức 102 phiên giao dịch việc làm³⁸, thu hút sự tham gia của 1.652 lượt doanh nghiệp, kết quả có 3.687 người nhận được việc làm sau khi phỏng vấn tại sàn giao dịch. Thực hiện cho vay 241,6 tỷ đồng từ Quỹ quốc gia giải quyết việc làm, tạo việc làm mới cho 4.437 lao động; hỗ trợ 39,96 tỷ đồng tiền thuê nhà cho 26.040 người lao động trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục triển khai có hiệu quả chính sách bảo hiểm thất nghiệp³⁹; quản lý và cấp phép cho lao động là người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh⁴⁰. Đôn đốc thực hiện các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do dịch bệnh Covid-19 theo quy định.

Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án “Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh, góp phần xây dựng Hải Dương trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại vào năm 2030”⁴¹.

- Thực hiện tốt các chính sách xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội, bảo đảm an sinh xã hội và ổn định đời sống nhân dân. Chính sách người có công với cách mạng được quan tâm đặc biệt và triển khai thực hiện tốt, đã trở thành phong trào đền ơn đáp nghĩa sâu rộng trên địa bàn tỉnh. Thực hiện đầy đủ, công khai, minh bạch chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng; chỉ đạo quyết liệt giải quyết kịp thời chế độ, chính sách đối với người có công⁴².

³⁸ - 78 phiên giao dịch việc làm định kỳ, 13 phiên GDVL lưu động, 09 phiên GDVL online, 02 phiên GDVL tại Trung tâm GDNN - GDTX huyện Nam Sách và Thị Đoàn Kinh Môn.

Tổ chức 01 chương trình tư vấn, giới thiệu việc làm cho học viên tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh; tham gia 01 hội chợ việc làm tại thành phố Điện Biên Phủ - tỉnh Điện Biên năm 2022, tham gia 01 phiên GDVL trực tuyến Bắc Giang tổ chức.

³⁹ - Tính đến ngày 31/10/2022, đã có 10.813 người nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp. Số người có quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp hàng tháng là 9.946 người, với tổng kinh phí gần 211,5 tỷ đồng; hỗ trợ học nghề đối với 108 người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp, với tổng kinh phí 642 triệu đồng; thực hiện tiếp nhận và giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp 50 hồ sơ trên Công Dịch vụ công Quốc gia (*trong đó: 26 hồ sơ không đủ điều kiện đã ban hành văn bản trả lời, 24 hồ sơ đủ điều kiện được thẩm định, giải quyết đã ban hành quyết định hưởng TCTN với số tiền theo Quyết định là 344.057.470 đồng*).

⁴⁰ - Tiếp nhận 1.818 hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động, trong đó: cấp mới giấy phép lao động cho 1.215 người; cấp lại 103 người; gia hạn 11 người; hồ sơ không đủ điều kiện cấp giấy phép lao động là 489 người. Thông báo không thuộc diện cấp giấy phép lao động cho 05 người. Thẩm định và chấp thuận cho 539 doanh nghiệp với 1.063 vị trí.

⁴¹ - Quyết định số 1584/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 của UBND tỉnh.

⁴² - Thẩm định hồ sơ và giới thiệu tới Hội đồng Giám định y khoa 123 trường hợp. Thực hiện trợ cấp hàng tháng đối với 613 trường hợp; trợ cấp một lần đối với 16 trường hợp; thôi trả chế độ trợ cấp 980 trường hợp và cấp mai táng phí đối với 2.385 trường hợp là thân nhân người có công với cách mạng từ trần; thực hiện chế độ thờ cúng đối với 1.076 thân nhân gia đình liệt sĩ; thực hiện di chuyển và tiếp nhận hồ sơ đối với 215 trường hợp; Đề nghị Bộ LĐTBXH trình Thủ tướng Chính phủ xác nhận liệt sĩ và tặng Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với 15 trường

Tập trung huy động nguồn lực của xã hội, cộng đồng chăm lo đời sống người có công với cách mạng; ủng hộ Quỹ Đền ơn đáp nghĩa cấp tỉnh⁴³. Triển khai hỗ trợ kinh phí đối với 1.886 hộ gia đình người có công thuộc Đề án giai đoạn 2 đã thực hiện xây mới hoặc sửa chữa nhà ở hiện có, trong đó năm 2022 vốn ngân sách tỉnh đã bố trí 86,52 tỷ đồng.

Tập trung hoàn thiện thủ tục, triển khai nhanh, hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; xây dựng và thực hiện có hiệu quả Kế hoạch hỗ trợ việc làm bền vững thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, nâng cao mức sống, cải thiện điều kiện làm việc của công nhân lao động. Đẩy mạnh tuyên truyền và thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách giảm nghèo, hộ cận nghèo. Các biện pháp bảo đảm an sinh xã hội đặc thù nhằm hỗ trợ các hộ nghèo, hộ cận nghèo bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19 được quyết liệt triển khai. Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện hiệu quả Phong trào thi đua “*Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau*” giai đoạn 2021-2025..., tạo điều kiện cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, giảm nghèo bền vững, hạn chế tác động tiêu cực của thiên tai, dịch bệnh. Năm 2022, tuy không được NSTW hỗ trợ, nhưng tỉnh đã chủ động bố trí kinh phí chi thường xuyên là 619,4 tỷ đồng để thực hiện chương trình⁴⁴; ngoài ra, đã bổ sung tăng nguồn vốn ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh là 20,0 tỷ đồng để thực hiện cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác theo quy định. Ước tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều cuối năm 2022 là 1,75%, giảm 0,4% so với kết quả rà soát năm 2021 và

hợp; giải quyết 456 đơn thư đề nghị của người có công và thân nhân người có công; cấp 164 Giấy chứng nhận thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, chứng nhận gia đình liệt sĩ; điều dưỡng tập trung năm 2022 cho 1.099 người; thực hiện giới thiệu di chuyển hài cốt liệt sĩ đối với 13 trường hợp...

⁴³- Đến ngày 31/10/2022, các tổ chức, cá nhân đã tham gia ủng hộ Quỹ Đền ơn đáp nghĩa với tổng số tiền 1.698.370.186 đồng. Tổ chức trao quà tặng của Quỹ Thiện Tâm thuộc tập đoàn Tập đoàn Vingroup đến 546 thương binh, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể 81% trở lên và 53 Bà mẹ Việt Nam anh hùng còn sống trong toàn tỉnh.

⁴⁴- Hỗ trợ giáo dục là 28,0 tỷ đồng (*miễn giảm chi phí học tập và miễn giảm học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP*);

- Hỗ trợ y tế là 33,2 tỷ đồng (*cấp thẻ BHYT cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, người thuộc hộ gia đình nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình, người sống ở khu vực có điều kiện đặc biệt khó khăn*);

- Hỗ trợ dạy nghề, tạo việc làm cho lao động nông thôn; dạy nghề cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn là 03 tỷ đồng.

- Hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội là 12,8 tỷ đồng;

- Trợ cấp xã hội thường xuyên cho các đối tượng bảo trợ xã hội là 542,4 tỷ đồng.

phát sinh năm 2022 (2,15%), đạt mục tiêu đề ra (*KH năm 1,75%*); tỷ lệ hộ cận nghèo theo kết quả rà soát năm 2021 và phát sinh năm 2022 là 2,24%.

Chính sách trợ giúp xã hội được mở rộng về đối tượng, tăng về mức hưởng, thực hiện đúng mục đích và đạt hiệu quả. Xây dựng và triển khai thực hiện quy định chế độ trợ giúp xã hội, hỗ trợ kinh phí trợ giúp xã hội đối với người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo không có vợ, chồng, con hoặc có nhưng đã chết, mất tích, ly hôn hoặc vợ, chồng, con đều đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng trên địa bàn tỉnh⁴⁵. Ban hành Kế hoạch thực hiện chính sách trợ giúp xã hội, chính sách đối với người cao tuổi tỉnh Hải Dương năm 2022.

- *Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội*; tăng cường giám sát, xử lý kịp thời vướng mắc phát sinh, mở rộng bao phủ và phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, nhất là bảo hiểm xã hội tự nguyện⁴⁶. Ước thực hiện cả năm, tỷ lệ lao động trong độ tuổi có bảo hiểm đạt 45,7%, vượt mục tiêu đề ra (*KH năm 45%*).

- *Tiếp tục thực hiện tốt công tác chăm sóc, bảo vệ trẻ em, thực hiện bình đẳng giới*. Xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện công tác trẻ em năm 2022⁴⁷; kế hoạch triển khai phòng chống suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025. Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 05/11/2012 của Bộ Chính trị (khóa XI) “về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới”.

Tăng cường công tác phòng, chống xâm hại trẻ em, phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em, phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; bảo đảm duy trì các dịch vụ trợ giúp xã hội và kịp thời phát hiện, giải quyết, thông tin về các vấn đề, vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em. Triển khai nhiều giải pháp chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em trước tác động của đại dịch Covid-19. Thực hiện kịp thời các chế độ chính sách đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em gặp khó khăn.

⁴⁵- Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND, số 04/2022/NQ-HĐND ngày 29/4/2022 của HĐND tỉnh.

⁴⁶- Tổng số người tham gia BHXH là 425.000 người (*trong đó, tham gia BHXH bắt buộc 377.000 người, BHXH tự nguyện 48.000 người*); tham gia bảo hiểm thất nghiệp là 365.000 người; tham gia BHYT là 1.764.811 người, đạt tỷ lệ bao phủ 91,75% dân số toàn tỉnh.

⁴⁷- Đến tháng 6/2022, toàn tỉnh có 478.885 trẻ em (*chiếm 25,2% dân số*), trong đó có 249.546 trẻ em nam (*chiếm 52,1%*) và 229.339 trẻ em nữ (*chiếm 47,9%*); 12.772 trẻ em có hoàn cảnh khó khăn; 184.213 trẻ em dưới 6 tuổi.

Đẩy mạnh truyền thông, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về bình đẳng giới; nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước về bình đẳng giới và công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ. Xây dựng và tổ chức hiệu quả kế hoạch thực hiện Chương trình truyền thông về bình đẳng giới tỉnh Hải Dương giai đoạn 2022-2030; thực hiện công tác bình đẳng giới và hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ trên địa bàn tỉnh năm 2022.

7. Công tác nội chính và quốc phòng, an ninh

a) Công tác thanh tra, tư pháp

(1) Tập trung thanh tra, kiểm tra năm 2022 theo kế hoạch và thanh tra đột xuất khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật⁴⁸; không có tình trạng doanh nghiệp được thanh tra quá 1 lần/ năm. Chỉ đạo đôn đốc việc thực hiện kết luận thanh tra, kiểm toán; nâng cao chất lượng kết luận thanh tra, bảo đảm chặt chẽ, khách quan, kịp thời và khả thi; xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật đối với tập thể, cá nhân vi phạm pháp luật.

Tiếp tục hướng dẫn, đôn đốc thực hiện quy định của pháp luật về tiếp công dân, nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo⁴⁹. Chủ động phối hợp nắm chắc tình hình công dân khiếu kiện, kịp thời chỉ đạo giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo phát sinh, nhất là các vụ việc đông người, phức tạp; các cơ quan, đơn vị, địa phương đã có sự phối hợp tốt trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, nhiều vụ việc phát sinh đã được giải quyết dứt điểm ngay từ cơ sở.

⁴⁸- Đã thực hiện 184 cuộc thanh tra hành chính (158 cuộc theo kế hoạch và 26 cuộc đột xuất) và 965 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành. Qua thanh tra, kiểm tra đã phát hiện vi phạm về kinh tế với số tiền 73,998 tỷ đồng (trong đó kiến nghị thu hồi 23,955 tỷ đồng, kiến nghị xử lý khác 50,043 tỷ đồng); xử phạt vi phạm hành chính 9,266 tỷ đồng.

⁴⁹- Đã thực hiện 25 cuộc thanh tra trách nhiệm trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; đã ban hành kết luận 18 cuộc. Qua thanh tra kiến nghị xử lý hành chính 01 tổ chức và 01 cá nhân; đồng thời giúp các cơ quan, đơn vị, địa phương làm tốt hơn nữa công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, góp phần nâng cao trách nhiệm, nâng cao hiệu quả công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Cơ quan hành chính nhà nước các cấp đã tiếp 6.365 lượt công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; tiếp 141 đoàn đông người (trong đó có 38 đoàn công dân tập trung đông người với 114 lượt tiếp tại Trụ sở tiếp công dân của tỉnh).

Tổng số đơn thư khiếu nại, tố cáo tiếp nhận là 6.083 đơn; trong đó 4.999 đơn đủ điều kiện xử lý (khiếu nại 291 đơn; tố cáo 330 đơn; kiến nghị, phản ánh 4.378 đơn). Kết quả phân loại, xử lý: Đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính các cấp là 2.422 đơn, chiếm 55,83%; đơn không thuộc thẩm quyền giải quyết, đơn trùng lặp là 1.916 đơn, chiếm tỷ lệ 44,17%.

Xây dựng và triển khai thực hiện tốt kế hoạch phòng, chống tham nhũng năm 2022; các cơ quan, đơn vị, địa phương đã hoàn thành việc kê khai và công khai bản kê khai tài sản, thu nhập theo quy định⁵⁰.

(2) *Đẩy mạnh công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế và tổ chức thi hành pháp luật tiếp tục được coi là nhiệm vụ trọng tâm, hàng đầu.* Tập trung rà soát đơn giản hóa thủ tục hành chính trong mọi lĩnh vực. Công tác thẩm định, kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật có chuyên biến tích cực, luôn được chú trọng, nâng cao về chất lượng, có trọng tâm, trọng điểm, thực hiện kịp thời; hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh được rà soát, hệ thống hóa và phổ biến đến các ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức, nhất là các văn bản có liên quan trực tiếp, rộng rãi đến quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

Tổ chức thi hành pháp luật được triển khai thực hiện đồng bộ, kịp thời, có hiệu quả. Hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật có sự đổi mới, ngày càng đi vào chiều sâu, thực chất hơn; tập trung tuyên truyền, phổ biến kịp thời các văn bản pháp luật mới ban hành và ban hành văn bản hướng dẫn để triển khai đồng bộ, hiệu quả Chương trình phòng, chống dịch Covid-19 và Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

Công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính được chú trọng trong việc đánh giá hồ sơ xử lý vi phạm hành chính; các vụ việc phức tạp phát sinh trong quá trình quản lý nhà nước được giải quyết có chất lượng theo chức năng theo dõi thi hành pháp luật. Công tác quản lý, đăng ký hộ tịch và chứng thực đáp ứng kịp thời yêu cầu của tổ chức, cá nhân; hoạt động hỗ trợ tư pháp tiếp tục được xã hội hóa sâu rộng. Công tác trợ giúp pháp lý cho doanh nghiệp, người dân tiếp tục được tăng cường, chất lượng dịch vụ ngày càng được nâng cao.

b) Công tác quốc phòng, an ninh

(1) *Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về quốc phòng, quân sự địa phương.* Duy trì nghiêm nền nếp chế độ sẵn sàng chiến đấu. Thực hiện tốt nhiệm vụ tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao. Tăng cường công tác kiểm tra luyện tập các phương án sẵn sàng chiến đấu. Tổ chức thực hành diễn tập Khu vực phòng thủ thị xã Kinh Môn, các huyện Tứ Kỳ, Gia Lộc, Ninh Giang và diễn tập Sở Tài nguyên và Môi trường bảo đảm tác chiến khu vực phòng thủ năm 2022.

⁵⁰- Tổng số người phải kê khai tài sản, thu nhập hằng năm, bổ sung và lần đầu của năm 2021 thuộc đối tượng Thanh tra Chính phủ và Thanh tra tỉnh kiểm soát tài sản, thu nhập là 4.985 người; số người đã kê khai là 4.985 người, đạt 100%. Tổng số bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2021 đã công khai là 4.985 bản, đạt 100%.

Tăng cường khả năng ứng cứu trong công tác phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn. Thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh cho các đối tượng, tuyển sinh quân sự, xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện. Thực hiện tốt công tác chính sách hậu phương quân đội và các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, giải quyết các chế độ, chính sách cho các đối tượng theo quy định. Chuẩn bị tốt các điều kiện trong công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2023.

(2) *An ninh quốc gia tiếp tục được giữ vững, không để xảy ra các tình huống đột xuất, bất ngờ*; bảo vệ tuyệt đối an toàn hoạt động của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các mục tiêu, sự kiện quan trọng; chủ động nắm tình hình, giải quyết kịp thời vụ việc mâu thuẫn, khiếu kiện, tình hình phức tạp trong tôn giáo..., không để phát sinh thành “điểm nóng” gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự. Trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm; công tác phòng ngừa, đấu tranh, trấn áp, truy nã tội phạm thu được nhiều kết quả quan trọng, không để tội phạm lộng hành; hoạt động của tội phạm liên quan đến “tín dụng đen” giảm nhiều so với thời gian trước. Những kết quả ban đầu của các Tổ 151 tạo được hiệu ứng tốt, góp phần giảm mạnh tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh, được nhân dân ghi nhận, đánh giá cao. Duy trì và nâng cao chất lượng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc⁵¹. Công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự được tăng cường, gắn liền với cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ dịch vụ công trực tuyến⁵².

Tăng cường tuyên truyền về phòng, chống cháy, nổ. Tổ chức kiểm tra, chấn chỉnh việc chấp hành quy định của pháp luật về bảo đảm an ninh trật tự, PCCC. Chủ động xây dựng, bổ sung và thực tập các phương án chữa cháy. Đã kiểm tra an toàn PCCC 6.674 cơ sở, kiến nghị khắc phục 18.019 sơ hở thiếu sót⁵³. Thẩm duyệt thiết kế 271 công trình, kiểm tra nghiệm thu 117 công trình. Cấp 142 giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm cháy nổ.

⁵¹- Tổ chức xét công nhận 1.030 làng, khu dân cư; 162 xã, phường, thị trấn; 885 cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt danh hiệu “An toàn về ANTT”.

⁵²- Trong đó, tập trung thực hiện 02 dự án và Đề án 06 của Chính phủ (về phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030).

⁵³- Trong đó, xử phạt vi phạm hành chính về PCCC 590 trường hợp, tổng số tiền 9,45 tỷ đồng; tạm đình chỉ hoạt động 166 cơ sở, đình chỉ hoạt động 53 cơ sở không đảm bảo các điều kiện về PCCC.

Tình hình tai nạn giao thông tiếp tục có chuyển biến tích cực, 11 tháng đầu năm 2022 xảy ra 133 vụ TNGT, làm chết 110 người, bị thương 47 người⁵⁴ (so với cùng kỳ 2019 giảm 86 vụ = 39,3%, giảm 83 người chết = 43%, giảm 53 người bị thương = 53%; so với cùng kỳ 2021 giảm 20 vụ = 13,1%, giảm 09 người chết = 7,6%, giảm 26 người bị thương = 35,6%); không xảy ra các vụ TNGT đặc biệt nghiêm trọng. Cháy xảy ra 06 vụ (so với cùng kỳ năm 2019 giảm 41 vụ = 87,2%; so với cùng kỳ năm 2021 giảm 12 vụ = 66,67%), không có thiệt hại về người, thiệt hại tài sản trị giá 1,1 tỷ đồng (so với cùng kỳ năm 2019 giảm 70 tỷ đồng; so với cùng kỳ năm 2021 giảm 3,25 tỷ đồng).

8. Công tác cải cách hành chính, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước

a) Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực. Kiên quyết, kiên trì và đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong sạch, vững mạnh, toàn diện.

Đẩy mạnh thực hiện chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Xây dựng nền hành chính công vụ minh bạch, liêm chính; ngăn chặn, xử lý nghiêm minh, có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp.

b) Tổ chức công bố chỉ số CCHC năm 2021 của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố; đồng thời triển khai Kế hoạch CCHC năm 2022. Tập trung chỉ đạo quyết liệt thực hiện các nhiệm vụ CCHC theo kế hoạch đề ra, trong đó, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số...; xây dựng Bộ tiêu chí chấm điểm xác định chỉ số CCHC năm 2022 đối với các sở, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện, cấp xã.

Phê duyệt Đề án và Quyết định thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng của 7 huyện (đến nay 12/12 huyện, thành phố thị xã có Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng); phê duyệt Đề án và Quyết định thành lập Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh. Chỉ đạo các sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện thành phố, thị xã xây dựng ban hành quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bộ máy các sở, ban ngành và các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện theo các Thông tư hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương.

c) Tiếp tục chỉ đạo sắp xếp tổ chức bộ máy tổ chức bên trong các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả đảm bảo

⁵⁴- Trong đó: TNGT đường bộ xảy ra 126 vụ, làm chết 104 người, bị thương 46 người; TNGT đường sắt xảy ra 6 vụ, làm chết 5 người, bị thương 1 người; TNGT đường thủy nội địa xảy ra 01 vụ, làm chết 01 người.

theo quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ; tổ chức thi tuyển công chức trong các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố; tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập và giáo viên các cơ sở giáo dục công lập theo chỉ tiêu biên chế được giao; chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch biên chế năm 2023 và giai đoạn 2022-2026 đảm bảo lộ trình tinh giản biên chế theo Kết luận số 40-KL/TW của Bộ Chính trị.

d) Thực hiện tốt chính sách về dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng. Tạo điều kiện cho tổ chức tôn giáo tham gia tuyên truyền, vận động, thực hiện nếp sống văn hóa, văn minh, phát triển kinh tế - xã hội, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chú trọng bồi dưỡng nghiệp vụ đối với đội ngũ làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo. Kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn. Chỉ đạo tổ chức thành công đại hội đại biểu Phật giáo tỉnh lần thứ IX, nhiệm kỳ 2022-2027.

9. Quán triệt, triển khai đường lối đối ngoại của Đảng, phát huy vai trò tiên phong của đối ngoại trong việc tạo lập và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, huy động nguồn lực bên ngoài để phát triển. Thực hiện hiệu quả Chỉ thị của Ban Bí thư về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương.

A.3 Hạn chế, khó khăn trong việc thực hiện kế hoạch năm 2022 và nguyên nhân

I. Hạn chế

Những khó khăn, thách thức, biến động phức tạp, khó lường của dịch bệnh, thời tiết cực đoan, giá nhiều hàng hóa đầu vào và nhu yếu phẩm tăng cao, đã tác động không nhỏ đến mọi mặt đời sống KTXH trong năm 2022. Cụ thể như sau:

1. Giá nhiều hàng hóa đầu vào và nhu yếu phẩm tăng cao, gây khó khăn cho sản xuất, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng; gia tăng chi phí sinh hoạt, tăng thêm khó khăn cho người dân.

2. Trong sản xuất nông nghiệp, người chăn nuôi e dè đầu tư tái đàn vật nuôi; mở rộng diện tích gieo trồng, cơ cấu mùa vụ, cơ giới hóa khâu trồng và thu hoạch còn hạn chế. Ô nhiễm nguồn nước và dịch bệnh là rào cản lớn trong nuôi trồng thủy sản; chủ động trong giám sát nhằm phát hiện sớm các loại dịch bệnh thủy sản còn yếu. Vắc xin phòng bệnh Dịch tả lợn Châu phi chưa được tiêm chủng đại trà, dẫn đến nguy cơ phát sinh bệnh vẫn còn tiềm ẩn, nhất là trên đàn lợn nuôi tại nông hộ không đảm bảo điều kiện về an toàn sinh học.

Một số vụ vi phạm hành lang an toàn đê điều, công trình thủy lợi xử lý còn chậm, thiếu kiên quyết.

3. Hệ thống hạ tầng thương mại chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển, đặc biệt là hệ thống chợ nông thôn đã xuống cấp, chưa được kịp thời nâng cấp sửa chữa. Huy động các nguồn lực xã hội hóa đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là đầu tư hệ thống đường giao thông gặp khó khăn. Thực hiện kế hoạch sửa chữa, bảo trì đường bộ chậm.

4. Công tác lập Quy hoạch tỉnh còn chậm so với kế hoạch đề ra. Việc triển khai các đề án, dự án ưu tiên theo quy hoạch, chương trình phát triển đô thị còn chậm. Triển khai các dự án khởi công mới trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và dự án trọng điểm giao cấp huyện thực hiện giai đoạn 2021-2025 nhìn chung còn chậm trong quá trình thực hiện các thủ tục đầu tư.

Các dự án khu dân cư, khu đô thị chậm tiến độ theo quy định, nhưng chưa có chế tài đủ mạnh để xử lý; thủ tục pháp lý về triển khai và thực hiện dự án đầu tư xây dựng các khu dân cư, khu đô thị còn nhiều vướng mắc.

5. Thu hút đầu tư trong và ngoài nước gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là dự án mới giảm mạnh cả về số dự án và vốn đầu tư⁵⁵; hoạt động xây dựng gặp nhiều khó khăn, tiến độ đầu tư dự án còn chậm.

Trong tổ chức điều hành, đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt làm tốt công tác bồi thường GPMB, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư, nhưng vẫn còn một số dự án vướng mắc về GPMB chưa được giải quyết dứt điểm, giải ngân vốn đầu tư công nguồn NSNN năm 2022 không đạt yêu cầu đề ra.

6. Tổ chức quản lý, hoạt động của một số cơ sở giáo dục mầm non gặp nhiều khó khăn; đặc biệt là các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19⁵⁶.

Việc sắp xếp các trường mầm non, phổ thông công lập dẫn tới nhiều trường ở khu vực thành phố có số lượng học sinh/lớp vượt quy mô số lớp theo quy định. Cơ sở vật chất của nhiều trường hiện chưa đáp ứng được yêu cầu quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gây khó khăn trong công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia.

Việc tuyển dụng giáo viên tiểu học và giáo viên mầm non không đạt chỉ tiêu đề ra. Cơ cấu giáo viên chưa thực sự hợp lý, một số môn học thiếu giáo viên giảng dạy; công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức chấp hành nội quy và các quy định pháp luật của học sinh ở một số nơi còn hình thức, vẫn còn tình trạng học sinh vi phạm pháp luật.

⁵⁵- So với năm 2021, ước cả năm 2022 thu hút dự án FDI mới giảm 5,9% về số dự án, vốn đăng ký giảm 62,7%; đầu tư trong nước giảm 74,1% về số dự án, vốn đăng ký giảm 91,2%.

⁵⁶- Trong năm học, có 04 trường tư thục Mầm non đã đề nghị giải thể.

7. Ngành y tế gặp nhiều khó khăn nhưng chậm được tháo gỡ⁵⁷. Công tác phòng, chống dịch còn xuất hiện tư tưởng chủ quan, lơ là; một số mũi tiêm vắc xin phòng Covid-19 chưa đạt chỉ tiêu kế hoạch.

8. Cải cách hành chính tuy có chuyển biến tích cực, nhưng chưa có sự đột phá trong một số lĩnh vực như: cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số, tiếp nhận và giải quyết hồ sơ mức độ 3, mức độ 4.

9. Vẫn còn một số cuộc thanh tra kéo dài thời gian so với quy định; việc đôn đốc, thực hiện kết luận, kiến nghị sau thanh tra đạt tỷ lệ chưa cao. Giải quyết đơn thư thuộc thẩm quyền của một số địa phương, đơn vị còn chậm, chất lượng giải quyết chưa cao dẫn đến tình trạng gửi đơn vượt cấp vẫn diễn ra.

II. Nguyên nhân

Nguyên nhân của kết quả đã đạt được là nhờ sự nỗ lực, quyết tâm của cả hệ thống chính trị và sự nỗ lực của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh.

Tuy nhiên, trong năm 2022, tỉnh ta vẫn đối mặt với không ít khó khăn, thách thức, chủ yếu do các nguyên nhân sau:

1. Nguyên nhân khách quan

a) Tình hình kinh tế - chính trị thế giới biến động rất nhanh, khó lường, phức tạp, nhiều diễn biến chưa từng có tiền lệ, đặc biệt cuộc xung đột Nga-Ucraina cùng dịch bệnh Covid-19 bùng phát, diễn biến phức tạp, để lại những hệ

⁵⁷ - Như: (1) Về tổ chức bộ máy và đào tạo: (i) Tuy số lượng và chất lượng nguồn nhân lực ngành y tế tăng hằng năm, nhưng số lượng vẫn chưa đạt định mức tối thiểu quy định tại Thông tư liên tịch số 08/2007/TTLT-BYT-BNV; (ii) Một số chuyên ngành chuyên sâu (hồi sức cấp cứu, ngoại khoa, truyền nhiễm, tâm thần...) số lượng cán bộ, nhân viên đi đào tạo sau đại học chưa nhiều, đặc biệt là bác sỹ cơ hữu vẫn còn thiếu rất nhiều. (iii) Từ năm 2021 đến nay có 146 viên chức y tế xin thôi việc, trong đó có 47 bác sỹ nghỉ việc do lương và chính sách đãi ngộ chưa phù hợp.

(2) Công tác khám, chữa bệnh: (i) Thực hiện liên doanh liên kết, mua sắm trang thiết bị y tế gặp nhiều khó khăn, vướng mắc theo diễn biến, tình hình chung trong cả nước, e ngại rủi ro của nhà đầu tư; (ii) Giá viện phí, giá dịch vụ y tế sử dụng thiết bị từ nguồn xã hội hóa chưa tính đủ các yếu tố chi phí.

(3) Về mua sắm: (i) Việc tham khảo giá kế hoạch trong vòng 12 tháng không phù hợp với cơ chế thị trường, việc lựa chọn giá trong khoảng thời gian dài và dải trúng thầu rộng khiến xây dựng giá kế hoạch rất khó khăn; (ii) Một số thuốc trúng thầu chỉ có một nhà thầu sản xuất và nhập khẩu, tìm 03 nhà thầu báo giá rất khó khăn; (iii) Việc thẩm định giá doanh nghiệp, thẩm định giá nhà nước gặp nhiều khó khăn, mất nhiều thời gian do đơn vị thẩm định giá không có cán bộ được; (iv) Dịch bệnh diễn biến phức tạp, cán bộ y tế vừa phải lo về chuyên môn, vừa phải lo đảm bảo đủ hóa chất, vật tư, thiết bị điều trị cho người bệnh, vừa phải lo giải trình, chất vấn từ các đoàn thanh, kiểm tra, báo chí, dư luận..., tạo gánh nặng và áp lực rất lớn nên hầu hết các đơn vị đều e ngại không muốn mua; (v) Hiện tại có một số hóa chất, vật tư chưa có giá kê khai do vậy các đơn vị không thể thực hiện mua sắm theo quy định.

luyện sâu rộng, cả trực tiếp và gián tiếp đối với việc thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2022. Các ngành kinh tế chịu nhiều ảnh hưởng bởi yếu tố bên ngoài như sự gián đoạn, đứt gãy trong chuỗi cung ứng, lạm phát lan rộng trên toàn cầu... Trong nước, giá nhiều hàng hóa đầu vào và nhu yếu phẩm tăng cao, giá nguyên vật liệu tăng mạnh ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công.

b) Một số văn bản quy phạm pháp luật còn chông chéo, gây khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện.

c) Trong sản xuất nông nghiệp, thời tiết những tháng đầu năm không thuận lợi, đặc biệt là đầu vụ Đông mưa nhiều, kéo dài, làm chậm thời vụ gieo trồng⁵⁸; tháng 02 rét đậm, rét hại đã gây ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của cây trồng, vật nuôi; vụ mùa xảy ra ngập úng do ảnh hưởng cơn bão số 2 và số 3 đối với một số diện tích lúa mới cấy và rau màu.

Nguồn nguyên liệu đầu vào để sản xuất công nghiệp bị hạn chế do chính sách zero Covid-19 của Trung Quốc; đồng thời, 3 tháng gần đây các nhà máy thủy điện dư thừa nguồn nước nên công suất các nhà máy nhiệt điện bị cắt giảm khá lớn.

d) Tổ chức lập Quy hoạch tỉnh là nhiệm vụ mới, phức tạp và lần đầu tiên được triển khai đồng thời ở tất cả các cấp, các ngành, đặc biệt là quy hoạch tỉnh được lập trong điều kiện quy hoạch vùng, quy hoạch ngành quốc gia chưa được ban hành, dẫn đến lập quy hoạch tỉnh còn nhiều bất cập và lúng túng. Nội dung quy hoạch cấp dưới khó cụ thể hóa đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, định hướng, phương án phát triển và giải pháp của quy hoạch cấp trên⁵⁹ (*hiện nay đang tập trung rà soát, điều chỉnh phương án sử dụng đất đai phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ; rà soát, tích hợp nội dung phân bổ chỉ tiêu các loại đất vào trong Quy hoạch tỉnh*).

2. Nguyên nhân chủ quan

a) Việc cân đối, bố trí các nguồn vốn ngân sách đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cho một số ngành, lĩnh vực còn hạn hẹp; huy động các nguồn lực xã hội hóa gặp nhiều khó khăn. Triển khai các đề án, dự án ưu tiên theo quy hoạch, chương trình phát triển đô thị còn chậm do nguồn kinh phí hạn chế.

⁵⁸ - Trồng hành tỏi, cà rốt bị chậm 10-20 ngày so với cùng kỳ năm trước; một số diện tích bị ngập phải gieo trồng lại.

⁵⁹ - Theo nhiệm vụ Quy hoạch tỉnh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 442/QĐ-TTg ngày 25/3/2021, thời gian lập Quy hoạch là 24 tháng kể từ khi nhiệm vụ Quy hoạch được phê duyệt.

b) Một số địa phương chưa thực sự quan tâm đến công tác nâng cấp đô thị theo lộ trình đã được phê duyệt, công tác triển khai còn chậm, lúng túng; chưa thường xuyên đôn đốc, có biện pháp quyết liệt để giải quyết tình trạng dự án chậm tiến độ, nhà đầu tư chây ì không triển khai thực hiện việc hoàn thiện dự án để nghiệm thu, bàn giao theo đúng kế hoạch của tỉnh.

c) Một số cơ quan, đơn vị điều hành còn thiếu chủ động, chưa thật sự tích cực đôn đốc, xử lý dứt điểm những khó khăn, tồn tại kéo dài, nhất là vướng mắc về bồi thường GPMB chậm được giải quyết; công tác đôn đốc chủ đầu tư, đôn đốc nhà thầu triển khai thi công, lập quyết toán dự án hoàn thành chưa quyết liệt.

Một số chủ đầu tư vẫn còn tình trạng trì trệ, chưa tích cực trong triển khai hoàn thiện các thủ tục đầu tư, tổ chức đầu tư, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện, nghiệm thu khối lượng hoàn thành và thanh toán, giải ngân vốn đầu tư; tiến độ thực hiện của nhiều dự án chậm, khối lượng hoàn thành đạt thấp hơn kế hoạch vốn giao.

d) Công tác tham mưu của một số cơ quan còn chậm; việc bố trí, phân công nhiệm vụ tại một số cơ quan, đơn vị chưa phù hợp; năng lực tham mưu của một số cán bộ, công chức còn hạn chế, chưa đảm bảo yêu cầu.

B. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2023

I. Dự báo những thuận lợi, khó khăn và thách thức khi bước vào kế hoạch năm 2023

Kinh tế nước ta ngày càng hội nhập sâu, rộng, độ mở của nền kinh tế lớn trong điều kiện kinh tế toàn cầu, khu vực có nhiều biến động phức tạp, khó lường. Đặc biệt, thiên tai, dịch bệnh diễn biến phức tạp, khó kiểm soát; tình hình thế giới có nhiều biến động, nhanh, phức tạp, khó lường, tác động mạnh đến phát triển kinh tế - xã hội đất nước, như: xung đột Nga - Ucraina; lạm phát, điều chỉnh chính sách tiền tệ, giá cả nhiều mặt hàng nhập khẩu tăng cao; gián đoạn chuỗi cung ứng; rủi ro suy thoái kinh tế; nguy cơ mất ổn định tài chính, tiền tệ...

Trong nước, khó khăn chồng thêm khó khăn khi các hoạt động đang dần hồi phục trong trạng thái bình thường mới nhưng nền kinh tế phải đối mặt với giá cả xăng dầu, chi phí sản xuất, sinh hoạt, vận tải tăng cao; mặt bằng lãi suất tăng... Dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng; sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, thống nhất, kịp thời của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong việc thích ứng với bối cảnh mới; vừa tập trung giải quyết các vấn đề trước mắt và những tồn tại, yếu kém của nền kinh tế, vừa giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm các cân đối lớn, hỗ trợ tích cực phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội..., tạo cơ hội mở rộng thị trường, phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Trong tỉnh, hiện nay dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát tốt, nhưng vẫn tiềm ẩn nguy cơ diễn biến phức tạp; giá cả một số vật tư, nguyên liệu đầu vào và nhiều nhu yếu phẩm tăng cao... Dự báo sẽ tác động và gây nhiều khó khăn, ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống lao động, việc làm, thu nhập của người dân và hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng của doanh nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian tới. Ngoài chủ động, tích cực trong công tác phòng, chống dịch Covid-19, tỉnh đang tập trung đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành kinh tế, phát triển kinh tế nhanh, bền vững, theo hướng tăng trưởng xanh và ứng dụng có hiệu quả các tiến bộ khoa học - công nghệ. Bên cạnh đó, việc triển khai thực hiện kế hoạch năm 2023 cũng đứng trước nhiều khó khăn, thách thức như: sức cạnh tranh của kinh tế địa phương còn thấp, quy mô của nhiều doanh nghiệp còn nhỏ, sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị còn hạn chế, phát triển các mô hình liên kết sản xuất nông nghiệp còn chậm và hiệu quả chưa ổn định, mới bước đầu ở một số sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản. Mở rộng thị trường tiêu thụ và xuất khẩu sản phẩm công nghiệp, nông nghiệp còn khó khăn do sức cạnh tranh sản phẩm thấp. Phát triển công nghiệp còn ít các dự án có quy mô đầu tư lớn và sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao; chưa thu hút được các dự án công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ phát triển còn yếu; chất lượng và cơ cấu mặt hàng đáp ứng yêu cầu xuất khẩu chuyển dịch còn chậm, tốc độ tăng trưởng thấp; phát triển dịch vụ chưa có bước đột phá, chưa có nhiều loại hình dịch vụ thương mại tiện ích và hiện đại.

II. Mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu

1. Mục tiêu

a) Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình phòng, chống dịch Covid-19, bảo vệ sức khỏe, tính mạng của nhân dân, gắn với thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển KTXH.

b) Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển toàn xã hội. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho các thành phần kinh tế phát triển, thu hút các tập đoàn kinh tế lớn, các nhà đầu tư chiến lược; duy trì chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh (PCI) ở top 20 của cả nước. Quyết liệt đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án lớn, dự án quan trọng có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội; xử lý dứt điểm các dự án chậm tiến độ, kém hiệu quả.

c) Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng phát triển nhanh các ngành có lợi thế, có giá trị gia tăng cao. Phát triển kinh tế nhanh đi đôi với bền vững, toàn diện và gắn với bảo vệ môi trường; quan tâm phát triển văn hóa và lĩnh vực xã hội, nâng cao đời sống nhân dân.

d) Đẩy mạnh cải cách hành chính, sắp xếp tổ chức bộ máy gắn với tinh giản biên chế. Xây dựng củng cố quốc phòng, quân sự địa phương và giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 có 15 chỉ tiêu, gồm 06 chỉ tiêu về kinh tế, 07 chỉ tiêu về xã hội và 02 chỉ tiêu về môi trường. Trong đó, kinh tế tăng trưởng **trên 9%** so với thực hiện năm 2022.

(Chi tiết số liệu về ước thực hiện kế hoạch phát triển KTXH năm 2022 và dự kiến kế hoạch năm 2023 của các ngành, lĩnh vực có phục lục biểu số 01 đến số 07 kèm theo)

III. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của các ngành, lĩnh vực

1. Tập trung chuyển từ chiến lược “mục tiêu kép” thành chiến lược “đa mục tiêu”: Vừa phòng chống dịch, vừa phục hồi, phát triển kinh tế, đảm bảo năng lực y tế, an sinh xã hội, an ninh tâm lý và xã hội; tận dụng cơ hội, vượt qua thách thức trong và sau đại dịch. Coi đây là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách của các cấp, các ngành trong năm 2023. Không chủ quan, lơ là tự mãn với kết quả, thành tích đã đạt được.

2. Phát triển các ngành kinh tế

a) Cơ cấu lại các ngành kinh tế gắn với thực hiện quy hoạch

(1) Tập trung triển khai nhanh các chương trình, đề án và thực hiện quy hoạch. Tiếp tục xây dựng và lập kế hoạch thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2020-2025. Tổ chức đánh giá giữa kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020-2025, kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công trung hạn.

Tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành ngay sau khi được phê duyệt; tăng cường hiệu lực quản lý quy hoạch.

(2) Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành kinh tế gắn với thực hiện quy hoạch và đổi mới mô hình tăng trưởng, tăng năng suất các nhân tố tổng hợp; đẩy mạnh kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Chủ động tháo gỡ khó khăn (nhất là khó khăn về bảo đảm nguồn nhân lực, về vận chuyển nguyên vật liệu và tiêu thụ sản phẩm, về phương án sản xuất an toàn trong điều kiện dịch bệnh) và thực hiện đầy đủ các cơ chế, chính sách hỗ trợ các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch; xây dựng và thực hiện có hiệu quả các giải pháp đồng hành cùng doanh nghiệp, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để các doanh nghiệp, cá nhân đẩy nhanh tiến độ đầu tư, phục hồi và thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh, vận chuyển và lưu thông hàng hóa.

- Lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản, phân đầu GTSX tăng 1,6% trở lên so với thực hiện năm 2022.

(i) Xây dựng ngành nông nghiệp phát triển gắn với xây dựng nông thôn mới hiện đại văn minh. Tập trung các giải pháp nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp bứt phá về giá trị và xây dựng nông thôn mới văn minh hiện đại, tạo nền tảng phát triển theo hướng “tăng trưởng xanh, chuyển đổi số”.

(ii) Đổi mới, thay đổi tư duy về phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới theo hướng từ sản xuất nông nghiệp sang hướng phát triển kinh tế nông nghiệp để hướng tới giá trị “xanh” trong sản xuất và tiêu dùng. Trong đó, cần tập trung vào các định hướng: (i) Đổi mới mô hình tăng trưởng trong nông nghiệp dựa trên động lực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; (ii) Cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, gắn với xây dựng nông thôn mới xoay quanh ba trụ cột “nông nghiệp sinh thái”, “nông thôn hiện đại” và “nông dân thông minh”; (iii) Đảm bảo an ninh lương thực, thực phẩm và cân bằng dinh dưỡng; (iv) Phải tích hợp đa giá trị và tạo giá trị gia tăng tối ưu trên cùng một đơn vị diện tích đất canh tác, trong điều kiện diện tích đất nông nghiệp ngày càng thu hẹp dưới tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai và dịch bệnh.

(iii) Tập trung vào ba nhiệm vụ đột phá trong sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới: (i) Tập trung đầu tư phát triển hạ tầng phục vụ chuyển đổi nông nghiệp, kinh tế nông thôn và hạn chế tình trạng tổn thất sau thu hoạch để nâng cao giá trị nông sản, sản phẩm nông nghiệp; (ii) Khuyến khích trong hợp tác sản xuất nông nghiệp, nâng cao hiệu quả hợp tác giữa nhà nước, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học, hợp tác xã và người nông dân để tạo ra sản phẩm có giá trị gia tăng cao; (iii) Ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Lựa chọn mô hình sản xuất nông nghiệp tiên tiến, hiện đại phù hợp với điều kiện sản xuất của người nông dân.

(iv) Tăng cường ứng dụng mạnh mẽ, sâu rộng các tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Tập trung triển khai đề án “Phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030”.

(v) Tăng cường xây dựng thương hiệu, quảng bá, xúc tiến thương mại đối với các sản phẩm trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các sản phẩm OCOP đã được công nhận.

(vi) Theo dõi sát sao diễn biến của thời tiết, dịch bệnh để có biện pháp hỗ trợ, ứng phó kịp thời; tăng cường kiểm soát chất lượng vật tư nông nghiệp. Chú trọng công tác tưới tiêu, đảm bảo cung cấp đủ nước cho cây trồng sinh trưởng và phát triển tốt, đặc biệt chú ý đến công tác phòng chống ngập, úng, hạn.

Tăng cường giám sát, kiểm soát và khống chế kịp thời dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm và vật nuôi. Tổ chức tiêm chủng dịch tả lợn Châu Phi ngay sau khi vắc xin dịch được phép tiêm chủng rộng rãi. Hướng dẫn thực hiện các quy trình sản xuất an toàn theo VietGAHP. Rà soát diện tích nuôi trồng thủy sản, đảm bảo các điều kiện nuôi thâm canh, an toàn dịch bệnh.

(vii) Nâng cao trách nhiệm và năng lực quản lý nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp. Tiếp tục thực hiện việc trồng mới, phát triển rừng.

(viii) Chỉ đạo quyết liệt các hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thị trường tiêu thụ nông sản; tăng cường các hoạt động kết nối giữa người sản xuất với nhà phân phối để đưa sản phẩm nông sản tiếp cận người tiêu dùng trong nước thuận lợi. Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh xây dựng thương hiệu lớn gắn với chỉ dẫn địa lý...

(ix) Tiếp tục thực hiện hiệu quả các Đề án Môi trường xã hội một sản phẩm (*Đề án OCOP*); Đề án Phát triển diện tích cây lúa bằng máy giai đoạn 2020-2025; Nghị quyết số 17 về hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Kế hoạch bảo vệ môi trường giai đoạn 2021-2025... Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; trong đó tập trung xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng theo hướng gắn với quá trình đô thị hóa nông thôn; phấn đấu đến cuối năm 2023, tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu là 12,4%.

- *Lĩnh vực công nghiệp - xây dựng*, phấn đấu GTSX ngành công nghiệp - xây dựng tăng 10,3% trở lên so với thực hiện năm 2022; trong đó GTSX công nghiệp tăng 10,2%.

(i) Thường xuyên theo dõi, kịp thời tháo gỡ dứt dứt những khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh.

(ii) Nâng cao năng lực và tỷ trọng của các ngành công nghiệp có lợi thế, có giá trị nội địa hóa cao. Tập trung thu hút đầu tư phát triển công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp có công nghệ cao, thân thiện với môi trường, sử dụng tiết kiệm năng lượng và tài nguyên đất đai; chuyển dần từ gia công lắp ráp sang chế tạo sản phẩm đồng bộ. Phát triển mạnh công nghiệp chế biến, chế tạo gắn với công nghệ thông minh; chú trọng phát triển công nghiệp xanh và phát triển một số doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin chủ lực thực hiện tốt vai trò dẫn dắt về hạ tầng công nghệ, tạo nền tảng cho nền kinh tế số, xã hội số.

(iii) Nâng cao năng lực thiết kế, thi công xây dựng, quản lý chất lượng công trình theo hướng tiên tiến, hiện đại. Tăng cường công tác quản lý thị trường bất động sản, quản lý trật tự xây dựng, nhất là tại khu vực đô thị; kiểm tra, rà soát tình hình triển khai thực hiện các dự án khu đô thị, khu dân cư trên

địa bàn tỉnh, xử lý tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho nhà đầu tư để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án.

- *Lĩnh vực dịch vụ*, phấn đấu GTSX các ngành dịch vụ tăng 9% trở lên so với thực hiện năm 2022.

(i) Phát triển hệ thống chợ, ưu tiên xây dựng các chợ đầu mối. Thu hút đầu tư phát triển các trung tâm thương mại, siêu thị quy mô lớn, hiện đại tại các địa bàn trọng điểm đông dân cư và các đô thị mới.

(ii) Thúc đẩy xuất khẩu, duy trì và giữ vững các thị trường xuất khẩu truyền thống, tích cực thâm nhập các thị trường lớn.

(iii) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình xúc tiến thương mại và Chương trình phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2021-2025. Tập trung xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm, ngành hàng, các nhóm hàng chế biến nông sản thực phẩm và sản phẩm công nghiệp nông thôn, làng nghề, các mặt hàng nông sản có sản lượng lớn. Tích cực hưởng ứng thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh.

(iv) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án “Phát triển du lịch chất lượng cao tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”. Từng bước hình thành các tuyến, sản phẩm du lịch có chất lượng và đặc thù; gắn du lịch văn hóa với các di tích, danh thắng của tỉnh. Tập trung cải tạo, nâng cấp hạ tầng du lịch; thu hút đầu tư hạ tầng các khu du lịch sinh thái, các khu du lịch gắn với các di tích lịch sử; đẩy mạnh công tác quảng bá, xúc tiến du lịch. Tăng cường sự liên kết, phối hợp phát triển du lịch với các tỉnh, thành phố trong vùng và cả nước.

3. Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, phát triển doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư - kinh doanh, tích cực hợp tác phát triển vùng

a) Tăng cường các hoạt động tư vấn và xúc tiến đẩy mạnh kêu gọi thu hút đầu tư phát triển toàn xã hội⁶⁰, kêu gọi các doanh nghiệp lớn, có tiềm lực, uy tín cao đầu tư vào tỉnh; thu hút hợp tác đầu tư nước ngoài có chọn lọc, lấy chất lượng hiệu quả, công nghệ và bảo vệ môi trường là tiêu chí đánh giá chủ yếu.

Chủ động gặp mặt, đối thoại, tháo gỡ ngay các khó khăn cho doanh nghiệp. Quan tâm hỗ trợ phát triển doanh nghiệp địa phương và làm tốt công tác quản lý nhà nước sau cấp phép đầu tư. Phấn đấu số doanh nghiệp thành lập mới năm 2023 tăng 15% trở lên so với thực hiện năm 2022.

Quyết liệt thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, duy trì PCI năm 2023 của tỉnh ở top 20 của cả nước.

⁶⁰ - Thu hút nhà máy xử lý rác thải tập trung, khu công viên nghĩa trang, thu hút nguồn vốn FDI, đón đầu làn sóng dịch chuyển FDI.

b) Làm tốt công tác giải phóng mặt bằng. Phát huy vai trò của cấp ủy và các tổ chức cơ quan, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội, các ngành nội chính của cấp huyện tham gia vào công tác giải phóng mặt bằng, được nhân dân đồng tình hưởng ứng. Quyết liệt xử lý triệt để, dứt điểm các vướng mắc về bồi thường giải phóng mặt bằng.

c) Tập trung đẩy nhanh tiến độ triển khai, thực hiện các dự án đầu tư hạ tầng giao thông kết nối vùng theo chương trình, nội dung thống nhất với các tỉnh, thành phố trong vùng Đồng bằng Sông Hồng. Liên kết hợp tác phát triển sản xuất và cung ứng sản phẩm nông nghiệp sạch, đào tạo nguồn nhân lực, dịch vụ vận tải kho bãi, dịch vụ tài chính, xây dựng cơ sở hạ tầng...

4. Đảm bảo cân đối ngân sách, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công, nâng cao chất lượng tăng trưởng tín dụng

a) Thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ cho các đối tượng nộp thuế, bảo đảm nuôi dưỡng và tạo nguồn tăng thu NSNN. Đưa Quỹ phát triển đất vào hoạt động có hiệu quả. Đẩy mạnh đấu giá chuyển quyền sử dụng đất và tiến hành đấu giá một số cơ sở nhà đất do nhà nước quản lý để tăng thu ngân sách cho chi đầu tư phát triển. Điều hành ngân sách một cách linh hoạt, chủ động; phấn đấu thu NSDP tăng 10% trở lên so với dự toán trung ương giao; cân đối ngân sách đảm bảo các khoản chi thiết yếu, chi đầu tư phát triển tiết kiệm, hiệu quả.

b) Tiếp tục đẩy mạnh chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp; triển khai quyết liệt các giải pháp tháo gỡ khó khăn trong quan hệ tín dụng với khách hàng. Tập trung tín dụng cho các ngành, lĩnh vực ưu tiên, khu vực sản xuất, kinh doanh, dự án, phương án có hiệu quả, nhất là các ngành, lĩnh vực được hỗ trợ lãi suất tại Nghị định số 31/2022/NĐ-CP.

Thực hiện có hiệu quả giải pháp cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu, củng cố và phát triển hệ thống quỹ tín dụng nhân dân, phát triển tài chính toàn diện; mở rộng tín dụng đi đôi với nâng cao chất lượng tín dụng, kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro, tích cực thu hồi, xử lý nợ xấu, hạn chế tối đa nợ xấu mới phát sinh. Phấn đấu tăng trưởng huy động vốn từ 7% trở lên so với cuối năm 2022; tăng trưởng tín dụng từ 10%; tỷ lệ nợ xấu nội bảng dưới 2% tổng dư nợ.

c) Tăng cường rà soát để đảm bảo các dự án bố trí kế hoạch đầu tư công năm 2023 phải có đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công. Tập trung đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án trọng điểm, dự án kết nối vùng...

Nâng cao chất lượng công tác đấu thầu, lựa chọn nhà thầu có đầy đủ năng lực thực hiện dự án bảo đảm chất lượng công trình và theo đúng tiến độ quy định. Tập trung chỉ đạo, thực hiện các giải pháp, khắc phục những tồn tại, hạn

ché, tạo chuyên biến mạnh mẽ trong giải ngân vốn đầu tư công; đơn đốc tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công, bảo đảm năm 2023 giải ngân hết 100% kế hoạch vốn giao của các cấp ngân sách và xác định đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của các cấp, các ngành và chủ đầu tư trong việc nâng cao hiệu quả đầu tư. Kết quả giải ngân của từng dự án là căn cứ chủ yếu để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2023.

5. Phát triển khoa học công nghệ, khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường

a) Tiếp tục ưu tiên đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ cao, công nghệ tiên tiến; dùng chuyên đổi số hóa làm nền tảng và đòn bẩy thúc đẩy phát triển trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

b) Tăng cường quản lý nhà nước về lĩnh vực tài nguyên đất đai, khoáng sản trên địa bàn tỉnh. Thường xuyên rà soát vướng mắc trong thực hiện chính sách nhằm tháo gỡ khó khăn khi thực hiện thủ tục đất đai của các doanh nghiệp.

Đẩy nhanh việc tính tiền sử dụng đất của các dự án khu đô thị, khu dân cư nông thôn đã lựa chọn xong nhà đầu tư. Kịp thời xác định nghĩa vụ tài chính và tổ chức thu tiền sử dụng đất đối với các dự án mà nhà đầu tư đã được giao đất nhưng còn nợ tiền sử dụng đất, không chấp hành nghĩa vụ tài chính liên quan đến đất đai, gắn với giải quyết dứt điểm các khó khăn, vướng mắc trong việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

Đơn đốc việc triển khai, thực hiện các dự án đầu tư có sử dụng đất; tăng cường kiểm tra, xử lý các trường hợp chậm đưa đất vào sử dụng, gây lãng phí đất đai. Tăng cường đơn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về khoáng sản; kiểm tra phát hiện, ngăn chặn kịp thời hoạt động khai thác khoáng sản không có giấy phép. Tổ chức rà soát kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 và lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 theo quy định của pháp luật.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án thu gom, xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Theo dõi, giám sát trạm quan trắc tự động môi trường xung quanh và kết quả quan trắc môi trường tự động của các cơ sở qua hệ thống truyền nhận dữ liệu.

Xây dựng và triển khai kế hoạch quản lý chất lượng môi trường đất và môi trường nước theo quy định.

6. Lĩnh vực văn hóa - xã hội

a) Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện những trường đã đạt chuẩn và đẩy mạnh việc xây dựng trường chuẩn mới, các cơ sở giáo dục; đặc biệt quan tâm giải quyết tiêu chí khó khăn về cơ sở vật chất cho các trường học.

b) Đẩy mạnh thực hiện đề án bệnh viện vệ tinh; Đề án khám chữa bệnh từ xa, tăng cường chuyển giao cho tuyến dưới và tiếp nhận kỹ thuật của tuyến trên. Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới cung cấp dịch vụ dân số toàn diện. Củng cố mạng lưới dịch vụ kế hoạch hóa gia đình. Xây dựng hệ thống thông tin y tế và chuyển đổi số ngành y tế vào chăm sóc, khám chữa bệnh.

c) *Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước trên địa bàn về lĩnh vực báo chí.* Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về tình hình diễn biến và công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19.

Tổ chức lễ hội mùa Xuân, mùa Thu Côn Sơn - Kiếp Bạc năm 2023. Tiếp tục phối hợp với tỉnh Quảng Ninh, Bắc Giang xây dựng và hoàn thiện Hồ sơ khoa học Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử - Vĩnh Nghiêm - Côn Sơn, Kiếp Bạc trình UNESCO vinh danh là di sản thế giới. Xây dựng hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ công nhận 01 hiện vật, nhóm hiện vật là bảo vật Quốc gia; lập hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào danh mục di sản văn hóa vi vật thể quốc gia.

Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao chất lượng toàn diện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”. Đẩy mạnh các hoạt động thể dục thể thao quần chúng; quan tâm phát triển thể thao thành tích cao. Chủ trì, phối hợp tổ chức thành công các giải thể thao cấp tỉnh, cấp quốc gia.

d) *Đẩy mạnh các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm;* tăng tần suất và nâng cao hiệu quả tổ chức sàn giao dịch việc làm; thực hiện tốt chính sách bảo hiểm thất nghiệp. Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh, pháp luật về lao động.

Thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với người có công, các đối tượng bảo trợ xã hội. Đẩy mạnh công tác giảm nghèo, chính sách trợ giúp xã hội, công tác bảo vệ trẻ em và bình đẳng giới. Thực hiện đầy đủ các biện pháp về phòng, chống tệ nạn xã hội.

7. Lĩnh vực thanh tra, tư pháp, quốc phòng và an ninh

a) Thực hiện tốt công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo, gắn tiếp công dân với giải quyết khiếu nại, tố cáo. Tập trung giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài còn tồn đọng trên địa bàn tỉnh. Nâng cao chất lượng các cuộc thanh tra và việc thực hiện kết luận thanh tra.

b) Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật. Kiểm tra, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, thủ tục hành chính có liên quan.

c) Duy trì thực hiện nghiêm các quy định trực sẵn sàng chiến đấu. Hoàn thành tốt kế hoạch huấn luyện, chiến đấu, diễn tập. Tăng cường khả năng ứng cứu trong công tác phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn. Thực hiện tốt công tác chính sách hậu phương quân đội.

d) Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về tình hình, nhiệm vụ công tác bảo vệ an ninh trật tự trong tình hình mới, gắn với hướng dẫn đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Tập trung đấu tranh quyết liệt, tấn công trấn áp, triệt xóa các băng, nhóm và các loại tội phạm; đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy.

8. Công tác chỉ đạo, điều hành, nội vụ

a) Tổ chức đánh giá xác định chỉ số CCHC năm 2022 của tỉnh; công bố chỉ số CCHC năm 2022 đối với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và triển khai Kế hoạch CCHC nhà nước năm 2023. Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền về CCHC, tập trung đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số trong các cơ quan hành chính các cấp; tăng cường giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử thực hiện theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Thực hiện tốt công tác quản lý, sử dụng biên chế công chức trong các cơ quan hành chính và biên chế viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo thực hiện tinh giản biên chế theo Kết luận số 40-KL/TW của Bộ Chính trị. Tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy trong các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập. Đẩy mạnh thực hiện chỉ thị số 26/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp và triển khai thực hiện Đề án số 02-ĐA/TU ngày 15/8/2021 của Tỉnh ủy về xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là người đứng đầu có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín đáp ứng yêu cầu phát triển, giai đoạn 2021-2030.

Trên đây là đánh giá thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 và dự kiến xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 của tỉnh, UBND tỉnh trân trọng báo cáo HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh và đại biểu dự họp kỳ họp thứ 12 HĐND tỉnh khoá XVII;
- Các sở, ban, ngành;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CV. Việt Cường (01b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Triệu Thế Hùng